UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Tuyên Quang, năm 2026

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành của Trường Đại học Tân Trào được ban hành từ năm 2017 và được tổ chức tuyển sinh, đào tạo theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học. Trong quá trình triển khai, chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật và điều chỉnh nhằm bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành, định hướng phát triển của Nhà trường, sự phát triển của ngành du lịch, yêu cầu của thị trường lao động và nhu cầu của các bên liên quan.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật trên cơ sở tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành của một số cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong nước và quốc tế; đồng thời tuân thủ các quy định hiện hành, gồm: Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục; Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg ngày 23/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 177/QĐ-ĐHTTr ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc Ban hành hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành ngành đào tạo mới, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Quyết định số 1052/QĐ-ĐHTTr ngày 21/08/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và trình độ cao đẳng của Trường Đại học Tân Trào cùng các văn bản pháp luật có liên quan.

CTĐT được thiết kế theo hướng phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo. Chương trình được rà soát, điều chỉnh định kì 2 năm/lần theo hướng giảm tính hàn lâm, tăng cường ứng dụng, thực hành, gia tăng sự kết nối, tích hợp giữa các môn học, các nội dung học tập đảm bảo phù hợp với yêu cầu của xã hội và ngành giáo dục. Qua

mỗi lần rà soát, CTĐT được cập nhật những vấn đề mới nhất liên quan đến ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành nói riêng và của ngành du lịch nói chung. Đặc biệt, chương trình chỉnh sửa năm 2026 được cập nhật một cách khoa học theo hướng tiếp cận năng cao thực hành cho người học. Tài liệu học tập được cập nhật và phù hợp. Đề cương chi tiết (ĐCCT) của CTĐT đầy đủ thông tin tường minh để người học và các bên liên quan dễ tiếp cận.

Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành (phiên bản năm 2026) được thiết kế và vận hành theo định hướng lấy người học làm trung tâm, chú trọng đáp ứng trọn vẹn Mục tiêu đào tạo (PO) và Chuẩn đầu ra (PLO) với những kết quả nổi bật sau:

- Bảo đảm chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra; tăng cường sự đóng góp của từng học phần vào việc hình thành năng lực người học; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo và khả năng tự học của sinh viên.

- Nội dung, tài liệu và học liệu được thường xuyên cập nhật, bảo đảm tính khoa học, thực tiễn và phù hợp với sự phát triển của ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành.

- Chú trọng thực hành, thực tập, thực tế và rèn luyện năng lực nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch; tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở thực hành, thực tập trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường năng lực ngoại ngữ, năng lực số và trí tuệ nhân tạo, giao tiếp, làm việc nhóm, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chú trọng đạo đức nghề nghiệp, khả năng thích ứng và học tập suốt đời.

1.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình (Tiếng Việt): Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
- Tên chương trình (Tiếng Anh): Tourism and Travel Services Management
- Mã ngành đào tạo: 7810103
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành.
- Trình độ đào tạo: đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Văn hóa - Du lịch, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào

2.1.1. Tầm nhìn

"Trường Đại học Tân Trào trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của tỉnh và khu vực".

2.1.2. Sứ mạng

"TTrU là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước"

2.1.3. Mục tiêu giáo dục

" Đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo một cách vững chắc và thực tiễn, có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt, đáp ứng các chuẩn mực cần thiết của người lao động trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN và theo xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới. Người học được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường; có kỹ năng thực hành chuyên sâu và chuyên nghiệp của chuyên ngành được đào tạo, đủ khả năng hành nghề, khả năng tạo việc làm và phát triển sự nghiệp; được trang bị các kỹ năng và phẩm chất của người lao động hiện đại, chú trọng các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, sự tự tin và chủ động trong vị trí công tác được xã hội phân công".

2.2. Mục tiêu của chương trình

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, trường Đại học Tân Trào, người học sẽ:

TT	Mục tiêu chương trình đào tạo
PO1	Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân và năng lực thực hiện trách nhiệm xã hội trong học tập, nghề nghiệp và cuộc sống.
PO2	Vận dụng kiến thức nền tảng, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành về du lịch, lữ hành để giải quyết các vấn đề trong học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.
PO3	Thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn, bao gồm: thiết kế, tổ chức, điều hành và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ du lịch, giao tiếp và phục

	vụ khách hàng hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp.
PO4	Có khả năng ứng dụng công nghệ, ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp; phát triển tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp và nâng cao năng lực nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành khi tốt nghiệp sẽ có các năng lực sau:

NHÓM NĂNG LỰC	PLO
KIẾN THỨC	PLO 1: Vận dụng kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng và giáo dục thể chất để thực hiện trách nhiệm công dân trong học tập, rèn luyện và hoạt động nghề nghiệp.
	PLO 2: Vận dụng kiến thức nền tảng về văn hóa, lịch sử, địa lý và tài nguyên du lịch Việt Nam để phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động du lịch và dịch vụ.
	PLO3: Vận dụng kiến thức về pháp lý, kinh tế và quản trị trong lĩnh vực du lịch để phân tích và tổ chức các hoạt động kinh doanh du lịch và dịch vụ.
KỸ NĂNG	PLO 4: Thiết kế, tổ chức, hướng dẫn, điều hành và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ du lịch đáp ứng nhu cầu của khách hàng và yêu cầu của doanh nghiệp.
	PLO5: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống và xây dựng mối quan hệ nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của khách hàng trong môi trường đa văn hóa.
	PLO 6: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng về ngoại ngữ (bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương), năng lực số và trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trên cơ sở tư duy khoa học trong học tập và thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số
MỨC ĐỘ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM	PLO7: Thể hiện tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và phong cách làm việc chuyên nghiệp để thích ứng với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp.
	PLO8: Thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm; chủ động thích ứng với môi trường làm việc và chịu trách nhiệm đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

4.1. Sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành tốt nghiệp đảm nhận làm việc tại các vị trí sau:

- Nhân viên/Chuyên viên thiết kế, điều hành tour, PR, truyền thông, marketing trong lĩnh vực du lịch, quản lý tại các bộ phận trong doanh nghiệp du lịch.

- Hướng dẫn viên du lịch nội địa và quốc tế

- Chuyên viên tại các Sở, Ban, Ngành về du lịch, các hiệp hội, trung tâm xúc tiến du lịch.

- Giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về lĩnh vực du lịch (khi đáp ứng được các điều kiện theo quy định)

- Khởi nghiệp, thành lập và quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ..

4.2. Cơ hội học lên trình độ cao hơn

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, trình độ đại học có khả năng tiếp tục học tập ở các bậc trình độ cao hơn nhằm nâng cao chuyên môn và phát triển nghề nghiệp lâu dài.

- Tham gia các chương trình đào tạo sau đại học về quản trị kinh doanh, marketing, quản trị dịch vụ, kinh tế du lịch, nhằm mở rộng năng lực quản lý và điều hành trong môi trường doanh nghiệp du lịch.

- Nghiên cứu và học tập nâng cao trong các lĩnh vực liên ngành như văn hóa - du lịch, phát triển du lịch cộng đồng, quản lý tài nguyên du lịch và phát triển bền vững, phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy hoặc hoạch định chính sách.

- Có khả năng tiếp cận các chương trình đào tạo nâng cao ở trong nước và quốc tế, nâng cao năng lực học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu hội nhập của ngành du lịch.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

- Phương thức tuyển sinh: theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Vùng tuyển sinh: Cả nước.

5.2. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào cùng các văn bản pháp luật có liên quan.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào cùng các văn bản pháp luật có liên quan.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. Đội ngũ giảng viên

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị tham gia sinh hoạt chuyên môn
A	**GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**					
A1	**Lý luận chính trị**		**11**			
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác Lênin	3	Hứa Đức Hội	Triết học	LLCT
2	LL2.1.041.2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	Hà Thị Thu Trang	Kinh tế chính	LLCT
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Nguyễn Quang Hoài Châu	Triết học	LLCT
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Trần Thuý Vân	Chính trị học	LLCT
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Hoàng Thị Trang	LS ĐCSVN	LLCT
6	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	Trần Thảo Nguyên	LHP và HC	LLCT
A2	**Tiếng Anh**					
7	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	Đồng Thị Xuân Dung	Tiếng anh	Ngoại ngữ
8	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	Phạm Thục Anh	Tiếng Anh	Ngoại ngữ
9	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	Bùi Thị Lan	Tiếng Anh	Ngoại ngữ
A3	**Tin học**		**2**			
10	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	Vũ Thanh Bình	CNTT	Tin học
A4	**Nghiên cứu khoa học**		**2**			
11	NCKH.01.001.3	Nghiên cứu khoa học	3	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
A5	**Giáo dục khởi nghiệp**		**2**			
12	KT2.1.191.2	Giáo dục khởi nghiệp	2	Đỗ Hải Yến	Kinh tế	Kinh tế
A6	**Khoa học xã hội**					
13	VD2.1.130.2	Lịch sử văn minh thế giới	2	Phạm Thị Huyền	Lịch sử	Du lịch

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị tham gia sinh hoạt chuyên môn
				Trang		
Tự chọn (Chọn 2 trong 6 tín chỉ)			**2**			
14	KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương	2	Phạm Trung Nghĩa Trần Hương Giang	Kinh tế	Kinh tế
15	LL2.1.015.2	Khoa học quản lí đại cương	2	Nguyễn Mai Chinh	LLCT	LLCT
16	TL2.1.001.2	Tâm lí học đại cương	2	Hà Thị Minh Đức	Tâm lý học	LLCT và TL
	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH)					
B1	**Kiến thức cơ sở khối ngành**					
17	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Hoàng Thị Thẻ Nguyễn Thị Linh Thảo Phạm Hồng Ngân	Văn hóa học	Du lịch
18	KT2.1.077.2	Đại cương về quản trị kinh doanh	2	Nguyễn Thuý Hằng Hoàng Thị Hạnh	Kinh tế	Kinh tế
19	VD2.1.002.3	Nhập môn du lịch	3	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
20	VD2.1.068.2	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
21	TL2.1.410.2	Tâm lý học du lịch	2	Hà Thị Minh Đức	Tâm lý học	Tâm lý
22	TN2.1.516.2	Ứng dụng CNTT trong Văn hoá - Du lịch	2	Trần Thị Hồng Dung	Tin học	Tin học
23	VD2.1.007.3	Phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội VN	3	Hoàng Thị Thu Dung	Lịch sử	Du lịch
24	VD2.1.125.3	Di tích Lịch sử - Văn hóa và danh thắng VN	3	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
Tự chọn (Chọn 2 trong 6 tín chỉ)			**2**			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị tham gia sinh hoạt chuyên môn
25	VD2.1.223.2	Tổ chức hoạt náo	2	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
26	VD2.1.209.2	Thực tế cơ sở ngành	2	Nguyễn Thu Hoàn	Địa lý	Du lịch
27	KT2.1.114.2	Quản trị văn phòng đại cương	2	Nguyễn Thuý Hằng Hoàng Anh Đào	Kinh tế	Kinh tế
B2	**Kiến thức ngành**		**26**			
Bắt buộc			**22**			
28	VD21.124.2	Luật Du lịch	2	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
29	TL2.1.065.3	Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	3	Hà Thị Minh Đức	Tâm lý học	LLCT và TL
30	KT2.1.111.3	Kinh tế du lịch	3	Hoàng Thị Hạnh Trần Thị Diên	Kinh tế	Kinh tế
31	VD2.1.005.3	Văn hóa du lịch	3	Nguyễn Thu Hoàn	Địa lý	Du lịch
32	KT2.1.112.3	Marketing du lịch	3	Nguyễn Thuý Hằng Hoàng Thị Hạnh	Kinh tế	Kinh tế
33	VD2.1.210.2	Địa lý du lịch thế giới	2	Nguyễn Thu Hoàn	Địa lý	Du lịch
34	VD2.1.219.3	Địa lí du lịch Việt Nam	3	Quan Thị Dưỡng	Địa lý	Du lịch
35	VD2.1.071.3	Quan hệ công chúng	3	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
Tự chọn (Chọn 4 trong 12 tín chỉ)			**4**			
36	VD2.1.216.2	Văn hóa ẩm thực	2	Hoàng Thị Thẻ	Văn hóa học	Du lịch
37	VD2.1.208.2	Xây dựng sản phẩm du lịch	2	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
38	VD2.1.137.2	Du lịch bền vững	2	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
39	VD2.1.077.2	Nhiếp ảnh	2	Bùi Văn Khánh	Mỹ thuật	Mỹ thuật

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị tham gia sinh hoạt chuyên môn
40	VD2.1.129.2	Thanh nhạc thực hành	2	Hà Thị Thuý Linh	Âm nhạc	Âm nhạc
41	KT2.1.113.2	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	Đỗ Hải Yến Trần Hương Giang	Kinh tế	Kinh tế
Chuyên ngành Quản trị Lữ hành			**36**			
Bắt buộc			**24**			
42	NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành	3	Bùi Thị Lan	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
43	VD2.1.212.3	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch	3	Hoàng Linh Chi	Địa lý	Du lịch
44	VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện	3	Hà Thị Thuý Linh	Âm nhạc	Âm nhạc
45	VD2.1.016.3	Nghiệp vụ lữ hành	3	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
46	VD2.1.017.3	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
47	VD2.1.237.3	Quản lý điểm đến	3	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
48	VD2.1.015.3	Điểm tuyến du lịch Việt Nam	3	Hoàng Linh Chi	Địa lý	Du lịch
49	KT2.1.117.3	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	Trần Hương Giang Hoàng Anh Đào	Kinh tế	Kinh tế
Tự chọn (Chọn 12 trong 24 tín chỉ)			**12**			
50	VD2.1.214.3	Du lịch sinh thái	3	Quan Thị Dưỡng	Địa lý	Du lịch
51	VD2.1.215.3	Du lịch văn hóa	3	Hoàng Thị Thẻ	Văn hóa học	Du lịch
52	VD2.1.218.3	Du lịch cộng đồng	3	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
53	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	3	Nguyễn Thu Hoàn	Địa lý	Du lịch
54	VD2.1.229.3	Văn hóa và kiến trúc	3	Hà Thu Huyền	Mỹ thuật	Mỹ thuật
55	VD2.1.238.3	Quản trị du lịch Mice	3	Phí Ngọc Hoàng	Du lịch	Du lịch
56	VD2.1.211.3	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng - khách	3	Phạm Thị Huyền	Lịch sử	Du lịch

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị tham gia sinh hoạt chuyên môn
		sạn		Trang		
57	VD2.1.220.3	Quản trị nguồn nhân lực khách sạn	3	Phạm Thị Huyền Trang	Lịch sử	Du lịch
	THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP		**14**			
C1	**Thực tập tổng hợp**					
58	VD2.1.038.4	Thực tập 1 (thực tập tổng hợp)	4	Hoàng Linh Chi	Địa lý	Du lịch
C2	**Thực tập tốt nghiệp**					
59	VD2.1.042.4	Thực tập 2 (thực tập tốt nghiệp)	4	Quan Thị Dưỡng	Địa lý	Du lịch
C3	**Học phần thay thế KLTN**					
60	VD2.1.222.3	Quy hoạch du lịch	3	Quan Thị Dưỡng	Địa lý	Du lịch
61	VD2.1.224.3	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	Hoàng Linh Chi	Địa lý	Du lịch
C4	**Khóa luận tốt nghiệp**					
62	VD2.1.043.6	Khóa luận tốt nghiệp	6	Hoàng Linh Chi	Địa lý	Du lịch

6.2. Cơ sở vật chất

6.2.1. Phòng học và các thiết bị

Trường Đại học Tân Trào có hệ thống cơ sở vật chất được đầu tư đồng bộ, từng bước hiện đại hóa nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và phục vụ cộng đồng. Tổng diện tích đất hiện có của Nhà trường là 57,469 ha, với tổng diện tích xây dựng 27.268 m², bao gồm hệ thống giảng đường, phòng học, thư viện, phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, ký túc xá và các công trình phục vụ học tập, nghiên cứu, rèn luyện thể chất và sinh hoạt của người học. Đây là nền tảng quan trọng

bảo đảm cho việc triển khai hiệu quả Chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành cũng như các chương trình đào tạo khác của Nhà trường.

Hiện nay, Nhà trường có 03 cơ sở đào tạo được quy hoạch theo chức năng và nhiệm vụ cụ thể. Cơ sở 1 tại Tổ dân phố Trung Môn 16, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang là cơ sở đào tạo chính, nơi tập trung hệ thống giảng đường, thư viện, trung tâm học liệu, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính, khu làm việc của các khoa, bộ môn và các đơn vị chức năng. Cơ sở 2 tại Tổ dân phố Ỷ La 5, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang là nơi đặt Trung tâm Thực nghiệm, thực hành và Chuyển giao khoa học công nghệ, phục vụ các hoạt động nghiên cứu, thực hành và chuyển giao công nghệ. Cơ sở 3 tại Tổ dân phố Trung Môn 10, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang được đầu tư phục vụ đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe và một số hoạt động thực hành chuyên môn. Hệ thống ba cơ sở được kết nối đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập và phục vụ người học.

Hệ thống giảng đường của Nhà trường có trên 80 phòng học với sức chứa từ 50 đến 200 chỗ ngồi, tổng diện tích khoảng 9.847 m², đáp ứng yêu cầu tổ chức giảng dạy đồng thời cho nhiều chương trình đào tạo. Các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế theo tiêu chuẩn, bảng viết, máy chiếu, màn chiếu, hệ thống âm thanh, điều hòa nhiệt độ, quạt, hệ thống chiếu sáng và kết nối Internet tốc độ cao, tạo môi trường học tập thuận lợi, an toàn và thân thiện. Ngoài các phòng học lý thuyết, Nhà trường còn có 749 m² phòng máy tính và phòng học ngoại ngữ, 20 phòng thí nghiệm và phòng thực hành với tổng diện tích 10.429 m², phục vụ hoạt động thực hành, thí nghiệm, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học của sinh viên thuộc các ngành đào tạo.

Hạ tầng công nghệ thông tin được Nhà trường quan tâm đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Hiện nay, Nhà trường có trên 700 máy tính, máy chiếu, máy trợ giảng và các thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý, tất cả đều được kết nối mạng nội bộ và Internet tốc độ cao. Hệ thống wifi được phủ sóng tại toàn bộ khu vực giảng đường, thư viện, khu làm việc và ký túc xá, tạo điều kiện để giảng viên và sinh viên khai thác học liệu số, sử dụng các hệ thống quản lý học tập, học trực tuyến, nghiên cứu khoa học và triển khai các hoạt động học tập theo định hướng chuyển đổi số.

Đối với ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, sinh viên được sử dụng đầy đủ hệ thống phòng học, phòng máy tính, thư viện, phòng hội thảo, phòng học ngoại ngữ và các không gian học tập chung của Nhà trường. Khoa Văn hóa - Du lịch có một văn phòng làm việc và sinh hoạt chuyên môn của giảng viên và các phòng học phục vụ hoạt động giảng dạy, hướng dẫn học tập, nghiên cứu khoa học và thực hành nghề nghiệp. Đối với các học phần thực hành, sinh viên được học tập tại các phòng học được bố trí phù hợp với từng học phần. Đồng thời, các học phần thực hành nghề nghiệp và thực tập được triển khai tại tòa nhà điều hành, thực hành của khoa Văn hóa - Du lịch, doanh nghiệp và các đơn vị đối tác của Nhà trường. Việc kết hợp giữa hệ thống cơ sở vật chất của Nhà trường và mạng lưới cơ sở thực hành ngoài trường giúp người học có điều kiện vận dụng kiến thức vào thực tiễn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, phát triển năng lực chuyên môn và đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.

Với hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, Trường Đại học Tân Trào bảo đảm các điều kiện cần thiết để tổ chức hiệu quả các hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và thực hành nghề nghiệp của Chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, đồng thời tạo môi trường thuận lợi để sinh viên phát triển năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh đổi mới giáo dục và chuyển đổi số.

6.2.2. Thư viện và học liệu

Thư viện và Trung tâm học liệu Trường Đại học Tân Trào là đơn vị cung cấp, quản lý và phát triển nguồn học liệu phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và học tập của giảng viên, sinh viên. Hệ thống thư viện được đầu tư theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và chuyển đổi số trong đào tạo. Thư viện có diện tích 600 m², bao gồm phòng đọc, phòng mượn, phòng tra cứu tài liệu điện tử và các phòng làm việc chuyên môn; được trang bị đầy đủ hệ thống máy tính kết nối Internet, máy in, máy quét, thiết bị tra cứu và phần mềm quản lý thư viện số, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp cận và khai thác các nguồn học liệu phục vụ học tập và nghiên cứu.

Nguồn học liệu của Nhà trường được xây dựng tương đối phong phú và thường xuyên được cập nhật theo yêu cầu của các chương trình đào tạo. Hiện nay, thư viện có trên 8.000 đầu sách, bao gồm giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, luận

văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học, báo cáo khoa học, tạp chí chuyên ngành và nhiều loại tài liệu điện tử thuộc các lĩnh vực đào tạo của Nhà trường. Ngoài nguồn học liệu hiện có, Nhà trường đã kết nối với Trung tâm Học liệu Đại học Thái Nguyên, cho phép giảng viên và sinh viên khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận các nguồn tài liệu trong nước phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học.

Đối với Chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, hệ thống học liệu được xây dựng phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung chương trình đào tạo. Mỗi học phần đều có đề cương chi tiết, giáo trình chính và danh mục tài liệu tham khảo được lựa chọn từ các công trình khoa học trong nước và quốc tế, bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với sự phát triển của lĩnh vực Du lịch. Bên cạnh giáo trình do giảng viên trong Trường biên soạn, sinh viên được tiếp cận nhiều sách chuyên khảo, tài liệu nghiên cứu, các bài báo khoa học và các nguồn học liệu điện tử phục vụ việc tự học, nghiên cứu, thực hiện bài tập, tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp và các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên.

Nhà trường khuyến khích giảng viên khai thác các nguồn học liệu mở, cơ sở dữ liệu khoa học và tài liệu quốc tế để bổ sung cho hoạt động giảng dạy; đồng thời thường xuyên cập nhật danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo theo sự phát triển của khoa học chuyên ngành và yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo. Hệ thống mạng Internet tốc độ cao và wifi được phủ sóng trong toàn trường giúp giảng viên và sinh viên dễ dàng truy cập các nền tảng học tập trực tuyến, cơ sở dữ liệu điện tử và các nguồn học liệu số phục vụ hoạt động học tập, nghiên cứu và phát triển năng lực tự học.

Đối với các học phần thực hành và thực tập của ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, ngoài học liệu truyền thống, sinh viên còn được sử dụng tình huống mô phỏng, video tình huống, biểu mẫu thực hành, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật và hệ thống rubric đánh giá do giảng viên biên soạn hoặc lựa chọn phù hợp với từng học phần. Đây là nguồn học liệu quan trọng giúp người học phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp, rèn luyện kỹ năng quan sát, phỏng vấn, đánh giá, lập kế hoạch phát triển du lịch bền vững.

Với hệ thống thư viện, học liệu truyền thống và học liệu số được đầu tư, cập nhật thường xuyên, cùng sự kết nối với các nguồn tài nguyên thông tin trong và ngoài Nhà trường, Trường Đại học Tân Trào bảo đảm cung cấp đầy đủ các điều kiện học liệu

phục vụ triển khai Chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu khoa học và phát triển năng lực nghề nghiệp của người học trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập giáo dục đại học.

Các giáo trình và tài liệu tham khảo:

Bảng 1. Thống kê giáo trình và tài liệu tham khảo sử dụng CTĐT ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành Trường Đại học Tân Trào

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Giáo trình triết học Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	NXB Chính trị quốc gia Hà Nội	Triết học Mác - Lênin
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	NXB Chính trị quốc gia Hà Nội	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	NXB Chính trị quốc gia Hà Nội	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	NXB Chính trị quốc gia Hà Nội	Tư tưởng Hồ Chí Minh
5	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	2021	NXB Chính trị quốc gia Hà Nội	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
6	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội	Pháp Luật Đại Cương
7	Speak out. B1 for Vietnam editon Students' book	Antonia Clare; JJWilson	2019	Peason Education Limited	Tiếng Anh 1
8	Speak out. B1 for Vietnam editon Students' book;	Atonia Clare; JJWilson	2019	Peason Education Limited	Tiếng Anh 2
9	Speak out 2nd editon Student book. Pearson	Antonia Clare JJ Wilson Frances Eales Steve Oakes	2021	Pearson Education Limited	Tiếng Anh 3
10	Micorsoft Office 2010	Bộ môn Tin học trường Đại học Tân Trào	2020	Lưu hành nội bộ	Tin học đại cương

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
11	Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học	Hoàng Thị Minh Thảo	2020	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	PP Nghiên cứu khoa học
12	Giáo trình khởi nghiệp	Khoa KT&QTKD, Trường ĐHTT	2025	TL lưu hành nội bộ	Giáo dục khởi nghiệp
13	Giáo trình lịch sử văn minh thế giới	Đào Tuấn Thành	2025	NXB ĐHSP HN	Lịch sử văn minh thế giới
14	Giáo trình kinh tế vi mô I	Nguyễn Văn Dần, Nguyễn Thị Hồng Nhung	2017	NXB Tài Chính, Hà Nội.	Kinh tế học đại cương
15	Giáo trình Khoa học quản lý	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2021	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	Khoa học quản lý đại cương
16	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thức (chủ biên)	2017	NXB ĐHQG, Hà Nội	Tâm lí học đại cương
17	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	2024	NXB ĐHQG Hà Nội	Cơ sở văn hóa Việt Nam
18	Giáo trình Quản trị kinh doanh (Tập I)	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	2017	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.	Đại cương về quản trị kinh doanh
19	Giáo trình Nhập môn du lịch	Trần Đức Thanh - Phạm Hồng Long - Vũ Hương Lan (đồng chủ biên)	2022	Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội	Nhập môn du lịch
20	Tiến trình lịch sử Việt Nam	Nguyễn Thị Phương Thảo	2023	NXB Thống kê, Hà Nội.	Tiến trình lịch sử Việt Nam
21	Giáo trình Tâm lý học du lịch	Nguyễn Hữu Thụ	2009	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	Tâm lý học du lịch
22	Microsoft Word 2016	IIG Việt Nam	2022	Nxb Tổng hợp TPHCM.	Ứng dụng CNTT trong Văn hoá -

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
					Du lịch
23	[1] Việt Nam phong tục	Phan Kế Bính	2011	NXB Văn học, Hà Nội	Phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội VN
	[3] Giáo trình Tôn giáo học	Trần Đăng Sinh, Nguyễn Thị Thuý Hằng	2024	NXB Chính trị Quốc gia sự thật , Hà Nội	
24	Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam	Dương Văn Sáu	2017	NXB Lao Động, Hà Nội.	Di tích Lịch sử - Văn hóa và danh thắng VN
25	Giáo trình Tổ chức hoạt náo trong hướng dẫn du lịch	Bùi Thanh Thủy	2018	Nxb Lao động	Tổ chức hoạt náo
26	Non nước Việt Nam	Trung tâm Thông tin Du lịch	2005	Nxb Hà Nội	Thực tế cơ sở ngành
27	Quản trị kinh doanh tập I	Nguyễn Ngọc Huyền	2018	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.	Quản trị văn phòng đại cương
28	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Quốc hội	2013	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật	Luật Du lịch
29	[1] Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	Hà Thị Minh Đức, Lê Thị Thu Hà	2021	Nxb Đại học Thái Nguyên.	Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch
	[2] Giáo trình Tâm lý học du lịch	Nguyễn Hữu Thụ	2009	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	
30	Kinh tế du lịch	Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa	2006	Nxb Lao động - Xã hội.	Kinh tế du lịch
31	Văn hóa du lịch	Nguyễn Phạm Hùng	2017	NXB Đại học Quốc gia, Hà	Văn hóa du lịch

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
				Nội	
32	Giáo trình Marketing Du lịch	Nguyễn Thu Thủy (Chủ biên)	2024	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	Marketing du lịch
33	Tài liệu tham khảo, bài giảng	Nguyễn Thu Hoàn	2020	lưu hành nội bộ, trường Đại học Tân Trào	Địa lý du lịch thế giới
34	Địa lí du lịch Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên)	2014	Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội	Địa lý du lịch Việt Nam
35	Giáo trình Quan hệ công chúng	Bùi Thị Phương Hoa (chủ biên)	2023	NXB Thống kê, Hà Nội.	Quan hệ công chúng
36	Giáo trình Văn hoá ẩm thực	Đào Ngọc Minh - Phạm Thị Thu Phương	2024	NXB. Đại học Kinh tế Quốc dân	Văn hoá ẩm thực
37	Giáo trình xây dựng sản phẩm du lịch	Dương Văn Sáu	2025	NXB Đại học QGHN.	Xây dựng sản phẩm du lịch
38	Phát triển du lịch bền vững	Đặng Thị Phương Anh	2018	NXB Đại học QGHN	Du lịch bền vững
39	Căn bản Kỹ thuật Nhiếp ảnh	Bùi Minh Sơn	2010	Nxb Thời đại, Hà Nội.	Nhiếp ảnh
40	Để thành công trong nghệ thuật ca hát	Nguyễn Bách	2020	Nxb Văn hóa - Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Thanh nhạc thực hành
41	Giáo trình Thanh toán quốc tế trong du lịch	Trần Thị Minh Hòa	2012	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.	Thanh toán quốc tế trong du lịch
42	Tourism 1, Students' book	Robin Walker and Keith Harding	2010	Oxford University press	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
43	Giáo Trình Quản trị cơ sở lưu trú du lịch	Hà Nam Khánh Giao, Đoàn Quang Đồng, Huỳnh Diệp Trâm Anh	2021	NXB. Tài chính.	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch
44	Kỹ năng tổ chức sự kiện, giao tiếp ứng xử	Lê Hồng Minh (Chủ biên)	2020	Nhà xuất bản Thanh niên.	Tổ chức sự kiện
45	Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ lữ hành	Nguyễn Tư Lương	2025	NXB Trường CĐDL Hà Nội.	Nghiệp vụ lữ hành
46	Giáo trình Nghiệp vụ Hướng dẫn du lịch	Lê Thái Sơn, Bùi Vũ Lương (Đồng chủ biên)	2023	NXB TT&TT	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
47	Quản lý điểm đến du lịch Việt Nam quan điểm phát triển bền vững và lợi thế cạnh tranh	Phí Thị Linh Giang, Vũ Nam (cùng cộng sự)	2024	NXB Đại học QGHN.	Quản lý điểm đến du lịch
48	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	2014	Nxb Giáo dục, Hà Nội	Điểm tuyến du lịch Việt Nam
49	Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương	2012	Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.	Quản trị kinh doanh lữ hành
50	Du lịch sinh thái	GS. TS. Đặng Văn Minh (chủ biên)	2020	NXB Bách Khoa Hà Nội	Du lịch sinh thái
51	Du lịch văn hoá - Những vấn đề lý luận và thực tiễn	Trần Thuý Anh	2016	Nxb. Giáo dục.	Du lịch văn hoá
52	Giáo trình du lịch cộng đồng	Dương Ngọc Lan, Nguyễn Thị Thanh Kiều, Phạm Hồng Long	2025	NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.	Du lịch cộng đồng
53	Tài nguyên du lịch Tây	Nguyễn Thu Hoàn	2022	Nxb Đại học	Tài nguyên du lịch Tây

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Bắc	(Chủ biên)		Thái Nguyên.	Bắc
54	Giáo trình Văn hóa và kiến trúc	Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Tất Thắng	2022	Nxb Đại học Xây dựng, Hà Nội	Văn hóa và kiến trúc
55	Giáo trình Quản trị du lịch Mice	Lê Thái Sơn, Hà Nam Khánh Giao	2026	NXB Kinh tế - Tài chính.	Quản trị du lịch MICE
56	Giáo trình công nghệ phục vụ trong khách sạn - nhà hàng	Nguyễn Văn Đính - Hoàng Thị Lan Hương	2007	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng - khách sạn
57	Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn	Lưu Trọng Tuấn (chủ biên)	2014	NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.	Quản trị nguồn nhân lực khách sạn
58	[1]Quy định về thực tập đối với khối ngành ngoài sư phạm, ban hành kèm theo Quyết định số 1029/QĐ-ĐHTTr ngày 16/9/2025. [2], Đề cương học phần Thực tập 1	Trường Đại học Tân Trào	2025	Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Tân Trào	Thực tập 1
59	Quyết định số 1029/QĐ-ĐHTTr, ngày 16/9/2025, Quyết định Ban hành quy định thực tập đối với khối ngành ngoài sư phạm.	Trường Đại học Tân Trào	2025	Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Tân Trào	Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp)
60	Quy hoạch du lịch	Bùi Thị Hải Yến (chủ biên)	2007	NXB Giáo dục	Quy hoạch du lịch
61	Giáo trình quản trị chiến lược cho tổ chức du lịch	Hà Nam Khánh Giao, Lê Thái Sơn, Huỳnh Quốc Tuấn	2021	NXB. Tài chính	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch
62	[1] Quy định thực hiện và đánh giá khóa luận tốt nghiệp đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 122/QĐ-ĐHTTr	Trường Đại học Tân Trào	2025	Tài liệu lưu hành nội bộ	Khóa luận tốt nghiệp

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	ngày 17/02/2025). [2] Quy định Liêm chính học thuật của Trường Đại học Tân Trào (Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-ĐHTTr ngày 10/3/2025)				
	[3] Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Tái bản lần thứ 7),	Vũ Cao Đàm	2015	Nxb Giáo dục, Hà Nội.	
	[4] Các nguyên tắc nghiên cứu khoa học	Hà Thuý Mai	2020	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.	

6.2.3. Cơ sở thực hành, thực tập của ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

Chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành được triển khai theo định hướng ứng dụng, chú trọng phát triển năng lực nghề nghiệp thông qua các học phần thực hành, thực tập và trải nghiệm thực tế. Bên cạnh hệ thống cơ sở vật chất của Trường Đại học Tân Trào, Nhà trường đã xây dựng mạng lưới các cơ sở thực hành, thực tập trong và ngoài tỉnh, tạo điều kiện để sinh viên được tiếp cận đa dạng môi trường nghề nghiệp, rèn luyện kỹ năng chuyên môn và phát triển các năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm; chủ động thích ứng với môi trường làm việc và chịu trách nhiệm đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ.

Hệ thống cơ sở thực hành, thực tập của ngành bao gồm các đơn vị thuộc Trường Đại học Tân Trào, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, điểm đến du lịch, khu du lịch, điểm du lịch cộng đồng, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và các tổ chức, đơn vị có hoạt động liên quan đến lĩnh vực văn hóa, du lịch và dịch vụ. Các cơ sở này được lựa chọn và phối hợp trên cơ sở phù hợp với mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình và yêu cầu phát triển năng lực nghề nghiệp của sinh viên.

Nhóm cơ sở thực hành, thực tập thuộc lĩnh vực lữ hành và quản trị du lịch bao gồm các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, công ty tổ chức chương trình du lịch, đơn vị điều hành tour, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn, vận chuyển khách du

lịch và các tổ chức cung ứng dịch vụ hỗ trợ hoạt động lữ hành. Đây là môi trường để sinh viên vận dụng kiến thức và rèn luyện kỹ năng về xây dựng, điều hành và quản lý chương trình du lịch; tư vấn và bán sản phẩm du lịch; tổ chức các hoạt động đón tiếp, phục vụ khách; quản lý chất lượng dịch vụ; xử lý tình huống phát sinh và phối hợp với các bên liên quan trong quá trình tổ chức hoạt động lữ hành.

Nhóm cơ sở lưu trú, ăn uống và kinh doanh dịch vụ du lịch bao gồm khách sạn, resort, homestay, cơ sở lưu trú du lịch cộng đồng, nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống và các đơn vị cung cấp dịch vụ bổ trợ cho khách du lịch. Thông qua hoạt động thực hành và thực tập tại các cơ sở này, sinh viên được tiếp cận quy trình tổ chức và quản trị hoạt động kinh doanh dịch vụ; thực hành nghiệp vụ lễ tân, buồng, nhà hàng và chăm sóc khách hàng; tìm hiểu công tác quản lý nhân sự, quản lý doanh thu, kiểm soát chất lượng dịch vụ và phối hợp giữa các bộ phận trong cơ sở kinh doanh du lịch. Việc tổ chức thực hành được thực hiện phù hợp với chức năng hoạt động của từng đơn vị và nội dung của các học phần trong chương trình đào tạo.

Nhóm điểm đến, khu du lịch và cơ sở phát triển du lịch cộng đồng bao gồm các khu, điểm du lịch tự nhiên và văn hóa; điểm du lịch cộng đồng; làng nghề truyền thống; các cơ sở khai thác giá trị di sản văn hóa, cảnh quan và sản phẩm địa phương phục vụ phát triển du lịch. Đây là môi trường thực tiễn để sinh viên tìm hiểu tài nguyên du lịch, khảo sát nhu cầu và hành vi khách du lịch, tham gia xây dựng sản phẩm du lịch trải nghiệm, tìm hiểu hoạt động thuyết minh và hướng dẫn, đánh giá chất lượng dịch vụ, nghiên cứu sự tham gia của cộng đồng và đề xuất giải pháp phát triển du lịch theo hướng bền vững. Các hoạt động thực tế tại nhóm cơ sở này góp phần tăng cường khả năng vận dụng kiến thức về quản trị điểm đến, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa và phát triển sản phẩm du lịch đặc thù của địa phương.

Nhóm cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực văn hóa, du lịch bao gồm: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang; Trung tâm xúc tiến Du lịch; Ban Quản lý các khu, điểm đến du lịch; Hiệp hội Du lịch tỉnh Tuyên Quang và các tổ chức chuyên môn phù hợp với mục tiêu đào tạo. Việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức này tạo điều kiện để sinh viên tìm hiểu cơ chế, chính sách và hoạt động quản lý nhà nước về du lịch; công tác xúc tiến, quảng bá điểm đến; quản lý hoạt động kinh doanh du lịch; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch. Đồng thời, đây cũng là cơ sở hỗ trợ hoạt động khảo

sát thực tế, nghiên cứu khoa học, thực tập nghề nghiệp và kết nối giữa nhà trường với các chủ thể trong hệ sinh thái du lịch địa phương.

Các cơ sở thực hành, thực tập nêu trên được khai thác phù hợp với nội dung và yêu cầu của các học phần thực hành, Thực tế cơ sở ngành, Thực tập 1 và Thực tập 2, cũng như hoạt động nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp và các chương trình trải nghiệm nghề nghiệp của sinh viên. Việc tổ chức thực hành, thực tập được thực hiện trên cơ sở kế hoạch đào tạo, nội dung học phần, yêu cầu về chuẩn đầu ra và điều kiện thực tế của từng cơ sở. Nhà trường phối hợp với các đơn vị tiếp nhận trong việc xác định nội dung, phân công hướng dẫn, tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên.

Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng phát triển quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan quản lý, tổ chức xã hội và các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực du lịch, văn hóa và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và các địa phương khác. Hoạt động hợp tác được triển khai thông qua các hình thức như phối hợp tổ chức thực tế, thực hành nghề nghiệp, thực tập tại doanh nghiệp, tham quan học tập, tọa đàm chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp, hỗ trợ nghiên cứu khoa học và kết nối cơ hội việc làm cho sinh viên. Việc mở rộng quan hệ hợp tác góp phần tăng cường sự gắn kết giữa chương trình đào tạo với yêu cầu thực tiễn của ngành du lịch và nhu cầu sử dụng lao động của các đơn vị tuyển dụng.

Mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập đa dạng tạo điều kiện để sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành từng bước hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp, bao gồm năng lực quản trị hoạt động lữ hành và dịch vụ du lịch; tổ chức và điều hành chương trình du lịch; giao tiếp và chăm sóc khách hàng; quản lý chất lượng dịch vụ; làm việc nhóm; xử lý tình huống; ứng dụng công nghệ trong hoạt động du lịch và thực hiện trách nhiệm nghề nghiệp. Đồng thời, hoạt động thực hành, thực tập góp phần giúp sinh viên nhận diện yêu cầu của thị trường lao động, nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phát triển năng lực tự học và thích ứng nghề nghiệp, qua đó hỗ trợ thực hiện mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực du lịch có phẩm chất, kiến thức và kỹ năng phù hợp với yêu cầu phát triển du lịch của địa phương và cả nước.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

7.1. Các phương pháp dạy học

Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành lựa chọn một số phương pháp dạy học cơ bản sau:

- *Thuyết trình:* giảng viên (GV trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. GV là người thuyết trình, diễn giảng, sinh viên (SV) nghe giảng, ghi chép để tiếp nhận các kiến thức mà GV truyền đạt.

- *Câu hỏi gợi mở:* trong tiến trình dạy học, GV sử dụng các câu hỏi gợi mở, hướng dẫn SV từng bước trả lời câu hỏi. SV có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề đặt ra.

- *Giải quyết vấn đề:* trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Qua đó, SV đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

- *Dạy học theo tình huống*: đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, để hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, GV liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu SV giải quyết để hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng nghiên cứu.

- *Phân tích trường hợp:* đây là phương pháp giảng viên đưa ra các trường hợp giả tưởng hoặc có trong thực tế để sinh viên động não, phân tích nội dung và đưa ra các tình huống giải quyết và lập kế hoạch giải quyết vấn đề cho thân chủ.

- *Thực tập, thực hành*: thông qua các hoạt động làm bài tập, thực tập, thực hành tại giảng đường, tòa nhà Điều hành, các chuyến thực tế cơ sở ngành, thực địa tuyến điểm, thực hành của khoa Văn hóa - Du lịch, các doanh nghiệp lữ hành, các cơ quan quản lý Nhà nước về Du lịch… để hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, học hỏi các phương pháp làm việc chuyên nghiệp, hình thành kiến thức kỹ năng và cơ hội nghề nghiệp cho SV sau khi tốt nghiệp.

- *Dạy học tương tác:* GV sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở, yêu cầu SV thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. GV với vai trò hướng dẫn SV từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp SV nắm vững kiến thức, hình thành và phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

- *Thảo luận:* là phương pháp dạy học trong đó SV được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được GV đặt ra. Khác

với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

- *Làm việc nhóm*: SV được chia thành các nhóm nhỏ để cùng nghiên cứu, trao đổi quan điểm, giải quyết bài tập hoặc dự án (xây dựng sản phẩm du lịch, lập kế hoạch marketing du lịch...). Kết quả làm việc nhóm được báo cáo, thuyết trình và phản biện trước lớp.

- *Phương pháp tự học*: GV hướng dẫn, giao nhiệm vụ (bài tập lớn, tiểu luận, dự án thiết kế tour, kế hoạch tổ chức sự kiện...) để SV tự định hướng, điều khiển và quản lý quá trình học tập của bản thân. SV chủ động tra cứu tài liệu, thu thập số liệu thực tế để hoàn thành sản phẩm học tập.

- *Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình:* là phương pháp sử dụng một câu chuyện có thật hoặc chuyện được viết dựa trên những trường hợp thường xảy ra trong cuộc sống thực tiễn để minh chứng cho một vấn đề hay một số vấn đề. Đôi khi nghiên cứu trường hợp điển hình có thể được thực hiện trên video hay một băng catset mà không phải trên văn bản viết.

- *Phương pháp đóng vai:* Phương pháp đóng vai (Role-Playing): SV thực hành, "làm thử" các ứng xử, nghiệp vụ chuyên môn trong tình huống giả định (nghiệp vụ hướng dẫn viên xử lý phát sinh trên tour, nghiệp vụ lễ tân đón tiếp khách VIP, đàm phán hợp đồng lữ hành...). Phần quan trọng nhất của phương pháp là hoạt động thảo luận, rút kinh nghiệm và nhận xét chuyên môn từ GV sau phần nhập vai.

- *Phương pháp trò chơi:* GV tổ chức các trò chơi học thuật, hoạt náo nhằm tạo không khí học tập sôi nổi, đồng thời giúp SV trải nghiệm, đúc kết các kỹ năng tổ chức teambuilding, dẫn trò và quản lý đám đông trong hoạt động lữ hành - sự kiện.

7.2. Một số kĩ thuật dạy học tích cực

- *Kĩ thuật đặt câu hỏi:* trong dạy học theo PP cùng tham gia, GV thường phải sử dụng câu hỏi để gợi mở, dẫn dắt người học tìm hiểu, khám phá thông tin, kiến thức, kĩ năng mới, để đánh giá kết quả học tập của người học. Mặt khác, người học cũng phải sử dụng câu hỏi để hỏi lại, hỏi thêm GV và người học khác về những nội dung bài học chưa sáng tỏ.

- *Kĩ thuật động não:* là kĩ thuật giúp cho người học trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề nào đó. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng.

- *Kỹ thuật "Lược đồ tư duy" hay " Sơ đồ tư duy":* Kỹ thuật này là một hình thức ghi chép sử dụng màu sắc và hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Kĩ thuật này giúp GV và người học trình bày các ý tưởng một cách rõ ràng, suy nghĩ sáng tạo, học tập thông qua biểu đồ, tóm tắt thông tin của một bài học hay một cuốn sách, hệ thống lại kiến thức đã học, tăng cường khả năng ghi nhớ,…

- *Kỹ thuật Các mảnh ghép:* Áp dụng trong các nội dung tích hợp (như tìm hiểu tài nguyên du lịch các vùng miền, đặc điểm thị trường khách du lịch...). SV học tập theo nhóm chuyên sâu trước khi trở về nhóm ban đầu để chia sẻ và tổng hợp toàn diện kiến thức.

- *Kỹ thuật KWL/ KWHL:* Hướng dẫn SV tự xác định kiến thức đã biết (K), kiến thức muốn biết (W), cách thức tìm kiếm thông tin (H) và kiến thức đã học được (L) sau mỗi bài học hoặc chuyến đi thực tế.

- *Kỹ thuật Bể cá và Kỹ thuật Khăn phủ bàn:* Sử dụng trong các giờ thảo luận chuyên đề, đàm phán hợp đồng lữ hành hoặc giải quyết các tranh luận về phát triển du lịch bền vững.

* Ngoài ra, tùy thuộc đặc trưng của từng học phần, giảng viên có thể vận dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học dạy học khác phù hợp và hiệu quả.

7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học gồm:

- CTĐT được rà soát định kỳ 2 năm/lần theo hướng linh hoạt, hội nhập, đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp du lịch. Chương trình đào tạo (phiên bản chỉnh sửa năm 2026) tăng cường tính ứng dụng, cập nhật các xu hướng mới trong ngành (du lịch số, du lịch bền vững, du lịch MICE...) và ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh dịch vụ du lịch.

- Hàng năm, Khoa/Bộ môn xây dựng và thực hiện kế hoạch dự giờ, hội giảng chuyên môn nhằm chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, cải tiến kỹ thuật tương tác và chuẩn hóa phương pháp kiểm tra, đánh giá theo chuẩn đầu ra (CLO/PLO).

- Định kỳ thu thập và phân tích ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát ý kiến của cựu sinh viên và các doanh nghiệp du lịch, lữ hành, khách sạn tuyển dụng về chất lượng năng lực của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Kết quả khảo sát là căn cứ thực tiễn quan trọng để điều chỉnh nội dung, nâng cao chất lượng đào tạo.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào cùng các văn bản pháp luật có liên quan.

CTĐT áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá. Tùy thuộc vào CĐR và phương pháp dạy - học của từng học phần, các phương pháp đánh giá được lựa chọn nhằm đảm bảo sự phù hợp và đánh giá được mức độ tiến bộ của sinh viên cũng như hiệu quả đạt được của tiến trình dạy và học. Các phương pháp đánh giá được áp dụng trong CTĐT gồm:

- Đánh giá sự tham gia trên lớp (In-class participation): ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên và ý thức, thái độ học tập của sinh viên kết hợp với đánh giá việc phát biểu xây dựng bài giảng trong giờ học.

- Đánh giá bài tập (Work Assignment): mức độ thực hiện bài tập của sinh viên và việc thực hiện bài tập bởi cá nhân hoặc nhóm.

- Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation): Sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm. Hoạt động này giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm...

- Đánh giá hoạt động (Performance test): Sinh viên thực hiện một số hoạt động, kỹ thuật cụ thể theo các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của học phần.

- Kiểm tra viết (Written Exam): yêu cầu trả lời một số câu hỏi, làm bài tập hay đưa ra ý kiến cá nhân về những vấn đề chủ yếu liên quan đến các CĐR về kiến thức của học phần.

- Thi vấn đáp (Oral Exam): đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

- Thi thực hành (Practical Exam): Đánh giá thông qua phiếu đánh giá (rubrics), trong đó, xác định rõ các yêu cầu về kiến thức vận dụng, kỹ năng thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khả năng xử lý tình huống, giao tiếp nghề nghiệp, tinh thần phối hợp và trách nhiệm cá nhân.

- Viết báo cáo thực tế (Fieldwork report)/ Bài tập lớn (Major Assignmentđánh giá thông qua phiếu đánh giá theo tiêu chí (rubrics), tập trung vào mức độ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ, tính chính xác và khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn,

tính hợp lý và khả thi của phương án đề xuất, năng lực phân tích và giải quyết vấn đề, chất lượng sản phẩm, kỹ năng trình bày và khả năng bảo vệ kết quả thực hiện.

- Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

- Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report/Thesis): được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn và giảng viên phản biện bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá (rubrics).

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Điểm học phần gồm điểm các thành phần: Điểm thành phần 1 là điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10% gồm: *thái độ tham dự*: 2%, (trong đó, luôn chú ý và tham gia các hoạt động:2%; khá chú ý, có tham gia: 1,5%; có chú ý, ít tham gia: 1%; không chú ý, không tham gia: 0%); *thời gian tham dự*: 8% (nếu vắng 01 tiết trừ 1%; vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm). Điểm thành phần 2 là trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%. Điểm thành phần 3 là điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và thang điểm 4 như sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0
2	Từ 8 đến 8,4	B+	3,5
3	Từ 7 đến 7,9	B	3,0
4	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
5	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
6	Từ 5 đến 5,4	D+	1,5
7	Từ 4 đến 4,9	D	1,0
8	Dưới 4,0	F	0

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức toàn khóa: tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 33 tín chỉ;

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (cơ sở ngành và cốt lõi ngành): 97 tín chỉ, gồm:

+ Kiến thức cơ sở ngành: 21 tín chỉ;

+ Kiến thức ngành: 26 tín chỉ;

+ Kiến thức chuyên ngành: 36 tín chỉ;

- Kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 14 tín chỉ, gồm:

+ Thực tập: 08 tín chỉ;

+ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế KLTN: 06 tín chỉ.

9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ		Ma trận tương quan giữa học phần và CĐR (PLO)								TỔNG MỨC ĐỘ			
				Lý thuyết	Thực hành	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	I	R	M	A
A	**GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**33**														
A1		**Lý luận chính trị**	**13**														
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác Lênin	3	45	0	I								1	0	0	0
2	LL2.1.041.2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	30	0	R								0	1	0	0
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	R								0	1	0	0
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22.5	15	M,A								0	0	1	1
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	M,A								0	0	1	1
6	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	30	0	M,A								0	0	1	1
A2		**Tiếng Anh**	**9**														
7	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	30	30						I			1	0	0	0
8	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	30	30						R			0	1	0	0
9	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	22.5	45						M,A			0	0	1	1
A3		**Tin học**	**2**	15	30												
10	TN2.1.501.2	Nhập môn công nghệ số, tin học và ứng dụng AI.	2	15	30						M,A			1	0	0	0
A4		**Nghiên cứu khoa học**	**3**														

11	NCKH.01.001.3	Nghiên cứu khoa học	3	22,5	45						R			1	0	0	0
A5		**Khởi nghiệp**	**2**														
12	KT2.1.191.2	Khởi nghiệp	2	15	30						M,A			0	0	1	1
A6	**Khoa học tự xã hội**																
	Bắt buộc		**4**														
13	VD2.1.130.2	Lịch sử văn minh thế giới	2	15	30		I							1	0	0	0
Tự chọn (Chọn 2 trong 6 tín chỉ)			**2**														
14	KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương	2	15	30			I						1	0	0	0
15	LL2.1.015.2	Khoa học quản lí đại cương	2	15	30						I			1	0	0	0
16	TL2.1.001.2	Tâm lí học đại cương	2	15	30					I				1	0	0	0
B	**GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH)**		**97**														
B1	**Kiến thức cơ sở ngành**		**21**														
	Bắt buộc		**19**														
17	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	15	45		I							1	0	0	0
18	KT2.1.077.2	Đại cương về quản trị kinh doanh	2	15	30							I		1	0	0	0
19	VD2.1.257.3	Nhập môn du lịch	3	15	60				I				I	2	0	0	0
20	VD2.1.068.2	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2	15	30		R							0	1	0	0
21	TL2.1.410.2	Tâm lý học du lịch	2	15	30					R				0	1	0	0
22	TN2.1.516.2	Ứng dụng CNTT trong Văn hoá - Du lịch	2	15	30						R			0	1	0	0
23	VD2.1.236.3	Phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội VN	3	15	60		R							0	1	0	0

24	VD2.1.125.3	Di tích Lịch sử - Văn hóa và danh thắng VN	3	15	60		M							0	0	1	0
	Tự chọn (Chọn 2 trong 6 tín chỉ)		**2**														
25	VD2.1.223.2	Tổ chức hoạt náo	2	15	30					R				0	1	0	0
26	VD2.1.209.2	Thực tế cơ sở ngành	2		90								R	0	1	0	0
27	KT2.1.114.2	Quản trị văn phòng đại cương	2	15	30								R	0	1	0	0
B2	**Kiến thức ngành**		**26**														
	Bắt buộc		**22**														
28	VD21.124.2	Luật Du lịch	2	15	30			R					R	0	2	0	0
29	TL2.1.439.3	Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	3	15	60					M,A				0	0	1	1
30	KT2.1.111.3	Kinh tế du lịch	3	15	60			R						0	1	0	0
31	VD2.1.005.3	Văn hóa du lịch	3	15	60		M,A			M				0	0	2	1
32	KT2.1.112.3	Marketing du lịch	3	15	60			M				R		0	1	1	0
33	VD2.1.210.2	Địa lý du lịch thế giới	2	15	30		R							0	1	0	0
34	VD2.1.219.3	Địa lí du lịch Việt Nam	3	15	60		R							0	1	0	0
35	VD2.1.071.3	Quan hệ công chúng	3	15	60					M,A				0	0	1	1
	Tự chọn (Chọn 4 trong 12 tín chỉ)		**4**														
36	VD2.1.216.2	Văn hóa ẩm thực	2	15	30		R							0	1	0	0
37	VD2.1.208.2	Xây dựng sản phẩm du lịch	2	15	45				R					0	1	0	0
38	VD2.1.137.2	Du lịch bền vững	2	15	30								R	0	1	0	0
39	VD2.1.077.2	Nhiếp ảnh	2	15	30				R					0	1	0	0
40	VD2.1.259.2	Thanh nhạc thực hành	2	15	30					R				0	1	0	0

41	KT2.1.113.2	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	15	30			R						0	1	0	0
B3	**Chuyên ngành: *Chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành***		**36**														
Bắt buộc			**24**														
42	NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3	15	60						M			0	0	1	0
43	VD2.1.212.3	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch	3	15	60			M,A						0	0	1	1
44	VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện	3	15	60					M,A				0	0	1	1
45	VD2.1.016.3	Nghiệp vụ lữ hành	3	15	60				M,A					0	0	1	1
46	VD2.1.017.3	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	15	60				M,A					0	0	1	1
47	VD2.1.237.3	Quản lý điểm đến du lịch	3	15	60			M,A						0	0	1	1
48	VD2.1.015.3	Điểm tuyến du lịch Việt Nam	3	15	90		M,A							0	0	1	1
49	KT2.1.117.3	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	15	60			M,A						0	0	1	1
Tự chọn (Chọn 12 trong 24 tín chỉ)			**12**														
50	VD2.1.214.3	Du lịch sinh thái	3	15	90				M					0	0	1	0
51	VD2.1.215.3	Du lịch văn hóa	3	15	90				M					0	0	1	0
52	VD2.1.218.3	Du lịch cộng đồng	3	15	90								M	0	0	1	0
53	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	3	15	90		M							0	0	1	0
54	VD2.1.229.3	Văn hóa và kiến trúc	3	15	75		M							0	0	1	0
55	VD2.1.238.3	Quản trị du lịch MICE	3	15	90			M						0	0	1	0
56	VD2.1.211.3	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng - khách sạn	3	15	60					M				0	0	1	0
57	VD2.1.220.3	Quản trị nguồn nhân lực khách sạn	3	15	60			M						0	0	1	0

C	**THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP**																
C1	**Thực tập tổng hợp**		**4**														
58	VD2.1.038.4	Thực tập 1 (thực tập tổng hợp)	4		200				M,A				M,A	0	0	2	2
C2	**Thực tập tốt nghiệp**		**4**														
59	VD2.1.258.4	Thực tập 2 (thực tập tốt nghiệp	4		200							M,A	M,A	0	0	2	2
C3	**Học phần thay thế KLTN**		**6**														
60	VD2.1.222.3	Quy hoạch du lịch	3	15	60		M,A					M,A		0	0	2	2
61	VD2.1.224.3	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	15	60							M,A	M,A	0	0	2	2
C4	**Khóa luận tốt nghiệp**		**6**														
62	VD2.1.043.6	Khóa luận tốt nghiệp	6		300							M,A	M,A	0	0	2	2
D	**GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ GIÁO DỤC QP-AN**																
D1		**Giáo dục thể chất**				I								1	0	0	0
D2		**Giáo dục Quốc phòng - An ninh**				R								0	1	0	0
TỔNG SỐ TC VÀ SỐ GIỜ TC			**130**														
TỔNG SỐ PLO (Theo chiều ngang)					**I**	**2**	**2**	**1**	**1**	**1**	**2**	**1**	**1**	**13**			
					R	**3**	**5**	**3**	**2**	**3**	**2**	**1**	**4**		**23**		
					M	**3**	**6**	**6**	**5**	**5**	**4**	**4**	**5**			**37**	
					A	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**4**	**4**				**26**

9.3. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ			Số giờ							HP điều kiện tiên quyết	HP học trước
			LT	TH	Tổng	LT	Thực hành			Khóa luận tốt nghiệp	Tự học	Tổng		
							Thực hành trong/ngoài trường, cinema	Thực tế	Thực tập, rèn nghề					
TỔNG														
A		**GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**			**33**									
A1		**Lý luận chính trị**			**11**									
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác Lênin	3		3	45					105	150		
2	LL2.1.041.2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2		2	30					70	100	LL2.1.040.3	
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2	30					70	100	LL2.1.041.2	
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1,5	0,5	2	22,5	15				62,5	100	LL2.1.042.2	
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2		2	30	0				70	100	LL2.1.043.2	
6	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	1,5	0,5	2	22,5	15				62,5	100	LL2.1.040.3	LL2.1.007.2
A2		**Tiếng Anh**			**9**									
7	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	2	1	3	30	30				90	150		
8	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	2	1	3	30	30				90	150	T. Anh 1	

9	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	1,5	1,5	3	22,5	45				82,5	150	T. Anh 2	
A3		**Tin học**			**2**									
10	TN2.1.501.2	Nhập môn công nghệ số, tín học và ứng dụng AI			2	15	30				55	100		
A4		**Nghiên cứu khoa học**			**3**									
11	NCKH.01.001.3	Nghiên cứu khoa học	2	1	3	22,5	45				82,5	150		
A5		**Khởi nghiệp**			**2**									
12	KT2.1.191.2	Khởi nghiệp	1	1	2	15	30				55	100		
A6		**Khoa học tự nhiên xã hội**			**4**									
	Bắt buộc													
13	VD2.1.130.2	Lịch sử văn minh thế giới	1	1	2	15	30				55	100		
	Tự chọn 2 trong 6 tín chỉ										53,5	100		
14	KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương	1	1	2	15	30				55	100		
15	LL2.1.015.2	Khoa học quản lí đại cương	1	1	2	15	30				55	100		
16	TL2.1.001.2	Tâm lí học đại cương	1	1	2	15	30				55	100		
GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH)					**97**									
B1	**Kiến thức cơ sở ngành**				**21**									
	Bắt buộc													
17	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt	1	1	2	15		45			40	100		

		Nam												
18	KT2.1.077.2	Đại cương về quản trị kinh doanh	1	1	2	15	30				55	100		
19	VD2.1.257.3	Nhập môn du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
20	VD2.1.068.2	Tiến trình lịch sử Việt Nam	1	1	2	15	30				55	100		
21	TL2.1.410.2	Tâm lý học du lịch	1	1	2	15	30				55	100		
22	TN2.1.516.2	Ứng dụng CNTT trong Văn hoá - Du lịch	1	1	2	15	30				55	100	TN2.1.040.3	
23	VD2.1.007.3	Phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội VN	1	2	3	15	60				75	150		
24	VD2.1.125.3	Di tích Lịch sử - Văn hóa và danh thắng VN	1	2	3	15	60				75	150	VD2.1.068.2	
	Tự chọn (Chọn 2 trong 6 tín chỉ)										55	100		
25	VD2.1.223.2	Tổ chức hoạt náo	1	1	2	15	30				55	100		
26	VD2.1.209.2	Thực tế cơ sở ngành	0	2	2			90			10	100		
27	KT2.1.114.2	Quản trị văn phòng đại cương	1	1	2	15	30				55	100		
B2	**Kiến thức ngành**					**26**								
	Bắt buộc													
28	VD21.124.2	Luật Du lịch	1	1	2	15	30				55	100		

29	TL2.1.439.3	Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
30	KT2.1.111.3	Kinh tế du lịch	1	2	3	15	60				75	150	KT2.1.079.2	
31	VD2.1.005.3	Văn hóa du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
32	KT2.1.112.3	Marketing du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
33	VD2.1.210.2	Địa lý du lịch thế giới	1	1	2	15	30				55	100		
34	VD2.1.219.3	Địa lí du lịch Việt Nam	1	2	3	15	60				75	150		
35	VD2.1.071.3	Quan hệ công chúng	1	2	3	15	60				75	150		
	Tự chọn (Chọn 4 trong 12 tín chỉ)													
36	VD2.1.216.2	Văn hóa ẩm thực	1	1	2	15	30				55	100		
37	VD2.1.208.2	Xây dựng sản phẩm du lịch	1	1	2	15		45			40	100		
38	VD2.1.137.2	Du lịch bền vững	1	1	2	15	30				55	100		
39	VD2.1.077.2	Nhiếp ảnh	1	1	2	15	30				55	100		
40	VD2.1.259.2	Thanh nhạc thực hành	1	1	2	15	30				55	100		
41	KT2.1.113.2	Thanh toán quốc tế trong du lịch	1	1	2	15	30				55	100		
B3	**Kiến thức chuyên ngành: Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành**				**36**									
	Bắt buộc													
42	NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành Du	1	2	3	15	60				75	150		Tiếng anh 3

		lịch												
43	VD2.1.212.3	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
44	VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện	1	2	3	15	60				75	150		
45	VD2.1.016.3	Nghiệp vụ lữ hành	1	2	3	15	60				75	150		
46	VD2.1.017.3	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	1	2	3	15	60				75	150	VD2.1.016.3	
47	VD2.1.237.3	Quản lý điểm đến du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
48	VD2.1.015.3	Điểm tuyến du lịch Việt Nam	1	2	3	15		90			45	150	VD2.1.126.2	
49	KT2.1.117.3	Quản trị kinh doanh lữ hành	1	2	3	15	60				75	150		
	Tự chọn (Chọn 12 trong 24 tín chỉ)													
50	VD2.1.214.3	Du lịch sinh thái	1	2	3	15		90			45	150		
51	VD2.1.215.3	Du lịch văn hóa	1	2	3	15		90			45	150		
52	VD2.1.218.3	Du lịch cộng đồng	1	2	3	15		90			45	150		
53	VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	1	2	3	15		90			45	150		
54	VD2.1.229.3	Văn hóa và kiến trúc	1	2	3	15	30	45			60	150		
55	VD2.1.238.3	Quản trị du lịch MICE	1	2	3	15		90			45	150		
56	VD2.1.211.3	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng - khách sạn	1	2	3	15	60				75	150		

57	VD2.1.220.3	Quản trị nguồn nhân lực khách sạn	1	2	3	15	60				75	150		
	THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP				**14**									
C1	**Thực tập tổng hợp**													
58	VD2.1.038.4	Thực tập 1 (thực tập tổng hợp)		**4**	**4**				200			200		
C2	**Thực tập tốt nghiệp**													
59	VD2.1.258.4	Thực tập 2 (thực tập tốt nghiệp)		**4**	**4**				200			200	VD2.1.138.4	
C3	**Học phần thay thế KLTN**													
60	VD2.1.222.3	Quy hoạch du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
61	VD2.1.224.3	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	1	2	3	15	60				75	150		
C4	**Khóa luận tốt nghiệp**				**6**									
62	VD2.1.043.6	Khóa luận tốt nghiệp		**6**	**6**					300		300		

9.4. Kế hoạch giảng dạy

Mã học phần	*Tên học phần*	*Số tín chỉ*	*HP điều kiện tiên quyết*	*HP học trước*	*Đơn vị quản lý học phần*
***Học kỳ 1** (bao gồm 16 TC, trong đó 14 TC bắt buộc, 02 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
Bắt buộc		***16***			
TN2.1.501.2	Nhập môn công nghệ số, tín học và ứng dụng AI	2			Bộ môn Tin học
	Giáo dục thể chất 1	2*			TT TDTT
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3			Bộ môn Ngoại ngữ
KT2.1.077.2	Đại cương về quản trị kinh doanh	2			Khoa kinh tế
VD2.1.130.2	Lịch sử văn minh thế giới	2			Bộ môn Du lịch
VD2.1.257.3	Nhập môn du lịch	3			Bộ môn Du lịch
TL2.1.410.2	Tâm lý học du lịch	2			Bộ môn Tâm lý
Tự chọn 2 trong 6 tín chỉ		***2****			
KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương	2			Khoa kinh tế
LL2.1.015.2	Khoa học quản lí đại cương	2			Bộ môn LLCT
TL2.1.001.2	Tâm lí học đại cương	2			Bộ môn Tâm lý
Tổng số		**16 TC**			
***Học kỳ 2** (bao gồm 17 TC, trong đó 17 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
NCKH.01.001.3	Nghiên cứu khoa học	3			
	Giáo dục thể chất 2	3*			TT TDTT
LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin	3			Bộ môn LLCT
VD21.124.2	Luật Du lịch	2			Bộ môn Du lịch
VD2.1.068.2	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2			Bộ môn Du lịch
VD2.1.007.3	Phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội VN	3			Bộ môn Du lịch
TN2.1.516.2	Ứng dụng CNTT trong văn hóa du lịch	2	Tin học đại cương		Khoa Sư phạm
VD2.1.210.2	Địa lý du lịch thế giới	2			Bộ môn Du

					lịch
Tổng số		**17 TC**			
Học kỳ 3 *(bao gồm 18 TC, trong đó 16 TC bắt buộc, 02 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3		T. Anh 1	Bộ môn Ngoại ngữ
LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Triết học Mác - Lênin		Bộ môn LLCT
	Giáo dục thể chất 3	2*			TT TDTT
	Giáo dục quốc phòng và an ninh	9*			TT TDTT
VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			Bộ môn Du lịch
KT2.1.111.3	Kinh tế du lịch	3			Khoa kinh tế
VD2.1.219.3	Địa lí du lịch Việt Nam	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.125.3	Di tích Lịch sử - Văn hóa và danh thắng VN	3	Tiến trình lịch sử Việt Nam		Bộ môn Du lịch
Tự chọn 2 trong 6 tín chỉ		**2***			
KT2.1.114.2	Quản trị văn phòng đại cương	2			Khoa kinh tế
VD2.1.209.2	Thực tế cơ sở ngành	2			Bộ môn Du lịch
VD2.1.223.2	Tổ chức hoạt náo	2			Bộ môn Du lịch
Tổng số		**18 TC**			
Học kỳ 4 *(bao gồm 17 TC, trong đó 13 TC bắt buộc, 04 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3		T. Anh 2	Bộ môn Ngoại ngữ
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	Triết học Mác - Lênin		Bộ môn LLCT
KT2.1.191.2	Khởi nghiệp	2			Khoa kinh tế
KT2.1.112.3	Marketing du lịch	3			Khoa kinh tế
TL2.1.439.3	Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	3			Bộ môn Tâm lý
Tự chọn 4 trong 12 tín chỉ		**4***			
VD2.1.216.2	Văn hóa ẩm thực	2			Bộ môn Du lịch
VD2.1.208.2	Xây dựng sản phẩm du lịch	2			Bộ môn Du lịch
VD2.1.137.2	Du lịch bền vững	2			Bộ môn Du

					lịch
VD2.1.077.2	Nhiếp ảnh	2			Bộ môn Mĩ thuật
VD2.1.259.2	Thanh nhạc thực hành	2			Bộ môn Âm nhạc
KT2.1.113.2	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2			Khoa kinh tế
Tổng số		**17 TC**			
Học kỳ 5 *(bao gồm 18 TC, trong đó 18 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		Bộ môn LLCT
VD2.1.005.3	Văn hóa du lịch	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.015.3	Điểm tuyến du lịch Việt Nam	3	Địa lý DL VN		Bộ môn Du lịch
VD2.1.038.4	Thực tập 1 (thực tập tổng hợp)	4			Bộ môn Du lịch
VD2.1.212.3	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.016.3	Nghiệp vụ lữ hành	3			Bộ môn Du lịch
Tổng số		**18 TC**			
Học kỳ 6 *(bao gồm 17 TC, trong đó 11 TC bắt buộc, 06 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CNXHKH		Bộ môn LLCT
NN2.1.009.3	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3	T.Anh 3		Bộ môn Ngoại ngữ
VD2.1.031.3	Tổ chức sự kiện	3			Bộ môn Âm nhạc
VD2.1.017.3	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3			Bộ môn Du lịch
Tự chọn 6 trong 24 tín chỉ		**6***			
VD2.1.214.3	Du lịch sinh thái	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.215.3	Du lịch văn hóa	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.218.3	Du lịch cộng đồng	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.229.3	Văn hóa và kiến trúc	3			Bộ môn Mĩ

					thuật
VD2.1.238.3	Quản trị du lịch Mice	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.211.3	Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.220.3	Quản trị nguồn nhân lực khách sạn	3			Bộ môn Du lịch
Tổng số		**17**			
Học kỳ 7 *(bao gồm 17 TC, trong đó 11 TC bắt buộc, 06 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			Bộ môn LLCT
VD2.1.237.3	Quản lý điểm đến	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.071.3	Quan hệ công chúng	3			Bộ môn Du lịch
KT2.1.117.3	Quản trị kinh doanh lữ hành	3			Khoa Kinh tế
Tự chọn 6 trong 24 tín chỉ		**6***			
VD2.1.214.3	Du lịch sinh thái	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.215.3	Du lịch văn hóa	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.218.3	Du lịch cộng đồng	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.026.3	Tài nguyên du lịch Tây Bắc	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.229.3	Văn hóa và kiến trúc	3			Bộ môn Mĩ thuật
VD2.1.238.3	Quản trị du lịch MICE	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.211.3	Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn	3			Bộ môn Du lịch
VD2.1.220.3	Quản trị nguồn nhân lực khách sạn	3			Bộ môn Du lịch
Tổng số		**17**			
Học kỳ 8 *(bao gồm 10 TC, trong đó 10 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)* *(Chú thích; *: HP Tự chọn)*					
VD2.1.258.4	Thực tập 2 (thực tập tốt nghiệp)	4			Bộ môn Du lịch
Học phần thay thế KLTN		**6**			
VD2.1.222.3	Quy hoạch du lịch	3			Bộ môn Du lịch

VD2.1.224.3	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3			Bộ môn Du lịch
Khóa luận tốt nghiệp		**6**			
VD2.1.043.6	Khóa luận tốt nghiệp	**6**			Bộ môn Du lịch
Tổng số		**10 TC**			

9.5. Mô tả nội dung các học phần

(1) Triết học Mác Lênin

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Triết học Mác - Lênin cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản, hệ thống về triết học, triết học Mác - Lênin, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nội dung học phần gồm ba phần chính: những vấn đề chung về triết học và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Thông qua học phần, người học từng bước hình thành thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng duy vật, năng lực tư duy lý luận, khả năng vận dụng tri thức triết học Mác - Lênin để xem xét các vấn đề trong học tập, rèn luyện, đời sống xã hội, hoạt động nghề nghiệp và thực hiện trách nhiệm công dân.

(2) Kinh tế Chính trị Mác Lênin

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy luật kinh tế của nền sản xuất và nền kinh tế thị trường dưới góc tiếp cận của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Nội dung học phần tập trung vào những vấn đề lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin và vận dụng các nguyên lý đó để phân tích nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, bao gồm các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực vận dụng kiến thức kinh tế chính trị để phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế - xã hội, góp phần phát triển tư duy lý luận và đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

(3) Chủ nghĩa xã hội khoa học

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế Chính trị Mác Lênin

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc

nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như: Sứ mệnh lịch sứ của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; Những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh các vấn đề lý luận cơ bản, nội dung học phần có liên hệ với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

(4) Tư tưởng Hồ Chí Minh

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người. Từ đó, người học có khả năng vận dụng kiến thức lý luận chính trị để xem xét, đánh giá các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn; bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm công dân và thái độ học tập, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

(5) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời, quá trình phát triển, đường lối, chủ trương và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam. Nội dung học phần gồm ba phần chính: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Thông qua học phần, người học biết phân tích, đánh giá những thành tựu, hạn chế, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng; đồng thời góp phần nâng cao nhận thức chính trị, bồi dưỡng ý

thức trách nhiệm công dân và phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.

(6) Pháp luật đại cương

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như: khái niệm, đặc trưng, chức năng, hình thức và bộ máy của nhà nước, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như pháp luật dân sự và tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và tố tụng hành chính, pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Học phần giúp người học vận dụng kiến thức pháp luật để phân tích, giải quyết các tình huống pháp lý trong học tập, nghề nghiệp và đời sống xã hội, đồng thời hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp.

(7) Tiếng Anh 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tiếng Anh 1 được thiết kế nhằm củng cố và phát triển năng lực giao tiếp cho người học ở trình độ tiền trung cấp (tương đương tiền B1). Nội dung học phần tập trung trang bị các hệ thống ngữ pháp cơ bản và thiết yếu bao gồm: thì Hiện tại đơn và Hiện tại tiếp diễn để diễn đạt thói quen và hành động đang diễn ra; thì Quá khứ đơn và Quá khứ tiếp diễn để kể lại sự kiện; cấu trúc so sánh (comparatives, superlatives, (not) as…as) để đưa ra nhận xét; và các cấu trúc diễn đạt tương lai như will, may, might, be going to và hiện tại tiếp diễn cho dự đoán và kế hoạch. Thông qua 4 chủ đề thực tiễn: Bản thân và các mối quan hệ xã hội, Câu chuyện và trải nghiệm cá nhân, Du lịch và khám phá, Thế giới nghề nghiệp. Sinh viên được phát triển đồng bộ 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần đặc biệt chú trọng vào khả năng giao tiếp cá nhân, kể chuyện, thảo luận ý kiến và xử lý các tình huống thực tế trong đời sống và công việc. Sau khi hoàn thành, người học không chỉ nắm vững kiến thức ngôn ngữ mà còn nâng cao kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện, làm việc nhóm và sự tự tin khi sử dụng tiếng Anh trong môi trường học tập và giao tiếp quốc tế.

(8) Tiếng Anh 2

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 2 trang bị cho người học những kiến thức ngôn ngữ ở trình độ trung cấp (tương đương B1). Nội dung học phần tập trung trang bị các hệ thống ngữ pháp then chốt bao gồm: thì Hiện tại hoàn thành để mô tả trải nghiệm; câu điều kiện loại 1 và 2 cho các tình huống thực tế và giả định; các động từ khuyết thiếu (should, have to, can't) cùng các từ chỉ định lượng (too much/many, enough). Thông qua 4 chủ đề thực tiễn: Tâm trí và cơ thể, Trải nghiệm và rủi ro, Cuộc sống thành thị và Ẩm thực, người học được phát triển đồng bộ 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Đặc biệt, học phần chú trọng vào khả năng tư vấn, thảo luận về lối sống và giải quyết vấn đề trong ngữ cảnh thực tế. Sau khi hoàn thành, người học không chỉ làm chủ được kiến thức ngôn ngữ mà còn hình thành tư duy làm việc nhóm, kỹ năng tự học và sự tự tin trong giao tiếp quốc tế.

(9) Tiếng Anh 3

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh 3 được thiết kế nhằm củng cố và phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh của người học ở trình độ trung cấp (tương đương B1). Nội dung học phần tập trung mở rộng các điểm ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ quan trọng như: used to để nói về thói quen trong quá khứ; câu bị động; thì Quá khứ hoàn thành; câu trực tiếp - gián tiếp; mệnh đề quan hệ; cùng các cấu trúc -ing/infinitive. Đồng thời, người học được trang bị hệ thống từ vựng theo các chủ đề quen thuộc như mua sắm, thể thao, gia đình, công việc nhà và các mối quan hệ xã hội. Thông qua 4 chủ đề chính: Tiền bạc và mua sắm, Thể thao và sức khỏe, Cuộc sống gia đình, Con người và các mối quan hệ, học phần giúp sinh viên phát triển toàn diện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Bên cạnh đó, người học được rèn luyện khả năng giao tiếp trong các tình huống thực tế như mua sắm, khiếu nại, hỏi - đáp thông tin, viết thư trang trọng và bày tỏ ý kiến cá nhân.

(10) Nhập môn công nghệ số, tin học và ứng dụng AI

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nhập môn công nghệ số, tin học và ứng dụng AI trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ số, ứng dụng AI trong môi trường học tập và làm việc hiện đại. Nội dung học phần bao gồm: kiến thức chung về máy tính, công nghệ số; kỹ năng sử dụng tin học văn phòng (Word, Excel, PowerPoint), ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ nâng cao năng suất hoạt

động của tin học văn phòng, công nghệ số (như Microsoft Copilot, Google Gemini và các công cụ AI tương tự) vào hoạt động nghề nghiệp. Thông qua học phần, người học sẽ có khả năng sử dụng máy tính một cách hiệu quả, an toàn. Vận dụng được các công cụ số hiện đại để hỗ trợ xử lý thông tin, soạn thảo văn bản, phân tích dữ liệu và làm việc nhóm. Học phần nhấn mạnh tính ứng dụng thực tiễn, giúp người học sẵn sàng thích ứng với môi trường làm việc số hiện đại và thông minh.

(11) Nghiên cứu khoa học

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu và quy trình tổ chức một nghiên cứu khoa học. Nội dung học phần tập trung vào cách xác định vấn đề nghiên cứu, tổng quan tài liệu, xây dựng mô hình/giả thuyết, thiết kế nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu, trình bày kết quả, viết báo cáo khoa học, trích dẫn tài liệu và tuân thủ đạo đức nghiên cứu. Thông qua các bài tập nhóm và bài tập lớn, người học hình thành năng lực làm việc nhóm, tư duy phản biện, trình bày quan điểm khoa học và vận dụng kiến thức nghiên cứu để giải quyết vấn đề trong học tập và nghề nghiệp.

(12) Giáo dục khởi nghiệp

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng và ứng dụng về khởi nghiệp, bao gồm: tổng quan về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; quy trình hình thành, đánh giá và lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp; nghiên cứu thị trường và xây dựng mô hình kinh doanh Canvas; lập kế hoạch kinh doanh tích hợp chiến lược marketing, vận hành và tài chính; triển khai và quản trị hoạt động kinh doanh; quản trị tài chính khởi nghiệp; huy động vốn và phát triển dự án. Thông qua học phần rèn luyện cho người học năng lực phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng và trình bày kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh, làm việc nhóm, thuyết trình và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án khởi nghiệp. Học phần bồi dưỡng tư duy khởi nghiệp, tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, ý thức đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và khả năng thích ứng với thách thức trong môi trường nghề nghiệp đa dạng.

(13) Lịch sử văn minh thế giới

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến; cơ sở hình thành và những thành tựu tiêu biểu của các nền văn minh lớn trên thế giới từ thời cổ đại đến hiện đại như: văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á, văn minh Hy Lạp - La Mã, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh thế giới thời cận - hiện đại. Qua học phần, sinh viên có khả năng phân tích những giá trị văn minh nhân loại và vận dụng kiến thức lịch sử, văn hóa thế giới trong hoạt động nghề nghiệp du lịch, đặc biệt trong lĩnh vực hướng dẫn du lịch, thuyết minh và tổ chức các chương trình du lịch văn hóa.

(14) Kinh tế học đại cương

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần Kinh tế học đại cương trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng về các quy luật vận động cơ bản của nền kinh tế, bao gồm: tổng quan về kinh tế học và các nguyên lý kinh tế cơ bản; quan hệ cung - cầu và cơ chế hình thành giá cả thị trường; lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết sản xuất, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp; mục tiêu và công cụ chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô của chính phủ; hạch toán tổng sản phẩm quốc dân và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng - đặt trong bối cảnh kinh tế - xã hội đương đại mà người học ngành Tôn giáo học có thể vận dụng để phân tích và lý giải. Thông qua học phần, người học rèn luyện kỹ năng phân tích hành vi kinh tế của các tác nhân trong nền kinh tế, giải thích các hiện tượng kinh tế bằng công cụ định lượng, làm việc nhóm và thuyết trình. Học phần bồi dưỡng thái độ học tập tích cực, tư duy khoa học, ý thức trách nhiệm của công dân với sự phát triển kinh tế của địa phương và đất nước.

(15) Khoa học quản lý đại cương

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần Khoa học quản lý đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý và khoa học quản lý, bao gồm: khái niệm, bản chất, vai trò của quản lý; đối tượng, đặc điểm và phương pháp nghiên cứu của khoa học quản lý; chức năng, nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý; cơ cấu tổ chức quản lý; thông tin và quyết định quản lý. Thông qua học phần, sinh viên hình thành tư duy quản lý khoa

học, khả năng nhận diện, phân tích các vấn đề quản lý cơ bản và vận dụng kiến thức nền tảng vào quá trình học tập, làm việc trong lĩnh vực dịch vụ.

(16) Tâm lý học đại cương

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tâm lý học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học với tư cách là một khoa học nghiên cứu đời sống tâm lý con người. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề về hoạt động, giao tiếp và vai trò của chúng đối với sự hình thành, phát triển tâm lý; quá trình hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng; đặc điểm của tình cảm, ý chí và trí nhớ; đồng thời làm rõ bản chất, cấu trúc, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Thông qua học phần, người học có cơ sở khoa học để nhận diện, phân tích và vận dụng các quy luật tâm lý trong học tập, lao động, giao tiếp và hoạt động nghề nghiệp.

(17) Cơ sở văn hóa Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối Khoa học Xã hội và Nhân văn trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; cung cấp kiến thức nền tảng về khái niệm văn hoá, tiến trình văn hoá Việt Nam, các thành tố và đặc trưng của văn hoá Việt Nam; đồng thời tổ chức hoạt động học tập thực tế nhằm giúp người học quan sát, thu thập thông tin và nhận biết giá trị văn hoá truyền thống, đương đại. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực nhận diện, giải thích các yếu tố văn hoá Việt Nam phục vụ học tập các học phần chuyên ngành du lịch, lữ hành đáp ứng PLO2 của chương trình đào tạo.

(18) Đại cương về quản trị kinh doanh

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Đại cương về quản trị kinh doanh trang bị cho người học kiến thức nền tảng về kinh doanh, doanh nghiệp và hoạt động quản trị trong môi trường kinh tế thị trường. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề cốt lõi như: nhập môn quản trị kinh doanh; bản chất và phân loại hoạt động kinh doanh, chu kỳ và mô hình kinh doanh; môi trường kinh doanh vĩ mô, vi mô và nội bộ doanh nghiệp cùng các chiến lược quản trị môi trường; vai trò, phân loại và kỹ năng của nhà quản trị, phong cách và nghệ thuật quản trị; quy trình, phân loại và phương pháp ra quyết định quản trị; cấu trúc tổ

chức kinh doanh với các hệ thống trực tuyến, chức năng, ma trận và theo nhóm. Thông qua học phần, người học từng bước hình thành tư duy kinh doanh, nhận diện vai trò của nhà quản trị trong doanh nghiệp, rèn luyện kỹ năng phân tích môi trường và ra quyết định, đồng thời xây dựng thái độ học tập nghiêm túc, ý thức tự chủ và tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp cần thiết trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và dịch vụ du lịch.

(19) Nhập môn du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Nhập môn du lịch cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển của du lịch; vai trò của các chủ thể tham gia và những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động du lịch. Nội dung học phần tập trung vào các hợp phần của hệ thống du lịch, loại hình và sản phẩm du lịch, hoạt động hướng dẫn du lịch, tính thời vụ, các tác động của du lịch đến kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường; đồng thời đề cập đến xu hướng phát triển và triển vọng của ngành du lịch trong tương lai. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực nhận diện, phân tích các vấn đề cơ bản của ngành du lịch, hiểu được mối quan hệ giữa các chủ thể trong hệ thống du lịch và vận dụng kiến thức nền tảng để tiếp cận các học phần chuyên ngành, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

(20) Tiến trình lịch sử Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tiến trình lịch sử Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay, đồng thời trang bị kỹ năng nhận diện, phân tích các sự kiện, nhân vật và di sản lịch sử tiêu biểu. Nội dung học phần tập trung vào các giai đoạn phát triển chủ yếu của lịch sử Việt Nam; những biến đổi về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội qua các thời kỳ; các sự kiện, nhân vật lịch sử và giá trị di sản lịch sử - văn hóa có ý nghĩa đối với sự phát triển đất nước và hoạt động du lịch. Thông qua học phần, người học phát triển năng lực vận dụng kiến thức lịch sử để phân tích các yếu tố lịch sử, văn hóa ảnh hưởng đến hoạt động du lịch và dịch vụ; nhận diện giá trị của các di sản lịch sử - văn hóa trong khai thác du lịch; hình thành ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử dân tộc, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO2 của chương trình đào tạo.

(21) Tâm lý học du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học những tri thức cơ bản về Tâm lý học du lịch: Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò và các phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học du lịch; Đặc điểm tâm lý nhà cung ứng du lịch; đặc điểm tâm lý du khách, một số hiện tượng và quy luật tâm lý xã hội trong hoạt động du lịch. Qua đó giúp người học hiểu tâm lý du khách để giao tiếp thân thiện, giới thiệu dịch vụ phù hợp, quan sát hành vi nhằm điều chỉnh phục vụ, dự đoán nhu cầu, xử lý tình huống và mâu thuẫn; đồng thời tổ chức hoạt động, quản lý đoàn hiệu quả, thiết kế tour phù hợp, thu thập dữ liệu và cải tiến dịch vụ.

(22) Ứng dụng CNTT trong Văn hoá - Du lịch

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Học phần Ứng dụng CNTT trong Văn hóa - Du lịch trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý văn hóa và du lịch, ứng dụng AI trong môi trường làm việc hiện đại. Nội dung học phần bao gồm: kiến thức chung về ứng dụng công nghệ số; kỹ năng sử dụng phần mềm công cụ tin học và trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động nghề nghiệp. Học phần nhấn mạnh tính ứng dụng thực tiễn, giúp người học sẵn sàng vận dụng kiến thức vào chuyên ngành, môi trường làm việc số hiện đại và thông minh.

(23) Phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội trong đời sống tâm linh, tâm lý của người Việt Nam. Sinh viên được tiếp cận, hiểu sâu sắc mối quan hệ giữa phong tục tập quán, lễ hội và tín ngưỡng đối với đời sống xã hội, kinh tế, văn hóa của người Việt. Thông qua các nội dung của ba chương, sinh viên vận dụng được kiến thức, kỹ năng để xác định vai trò của phong tục tập quán, tín ngưỡng, lễ hội đối với phát triển du lịch văn hóa Việt Nam hiện nay, đồng thời tổ chức hoạt động thực hành nhằm phát triển kỹ năng tổ chức, hướng dẫn du khách tại các lễ hội, không gian lễ nghi truyền thống, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn hoạt động du lịch. Học phần cũng giáo dục cho sinh viên ý thức tôn trọng, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, tinh thần trách nhiệm trong công việc và kỹ năng làm việc nhóm.

(24) Di tích Lịch sử - Văn hóa và danh thắng Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Tiến trình lịch sử Việt Nam

Học phần Di tích lịch sử và danh thắng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về di sản văn hóa Việt Nam, hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, bao gồm nguồn gốc hình thành, đặc điểm, giá trị và các loại hình di tích tiêu biểu. Nội dung học phần tập trung vào các nhóm di tích khảo cổ, di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật và danh lam thắng cảnh; đồng thời làm rõ vai trò của các di tích trong hoạt động văn hóa và phát triển du lịch. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực nhận diện, phân tích, đánh giá giá trị di sản và vận dụng kiến thức vào hoạt động hướng dẫn du lịch, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO2 của chương trình đào tạo.

(25) Tổ chức hoạt náo

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tổ chức hoạt náo trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức chuyên sâu về vai trò, quy trình và nghệ thuật tổ chức các hoạt động giải trí trong hướng dẫn du lịch. Với thời lượng 45 giờ (trong đó có 15 giờ lý thuyết và 30 giờ thực hành), môn học tập trung rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ thực tế như: thiết kế trò chơi tập thể, điều hành hoạt động theo từng loại địa hình và ứng xử tâm lý linh hoạt với đa dạng đối tượng khách hàng. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có đủ năng lực để tự tin xây dựng và tổ chức thành thạo các chương trình hoạt náo sinh động, góp phần giải tỏa căng thẳng, kết nối tập thể và tạo nên những trải nghiệm giàu cảm xúc cho du khách trong mỗi chuyến đi.

(26) Thực tế cơ sở ngành

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thực tế cơ sở ngành là đợt học tập thực tế giúp cho sinh viên tiếp cận với hoạt động du lịch nội địa (ba miền Bắc - Miền Trung - miền Nam) hoặc quốc tế. Trực tiếp tham gia trải nghiệm các điểm, tuyến du lịch. Qua đó, hiểu thực trạng các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch liên quan tới chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành.

(27) Quản trị văn phòng đại cương

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn phòng, hành chính văn phòng, quản trị hành chính văn phòng và các chức năng hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm tra công việc hành chính văn phòng trong doanh nghiệp; trang bị kỹ thuật soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng, nghiệp vụ tổ chức công tác văn thư, quản lý và sử dụng con dấu, tổ chức hội họp, tổ chức chuyến công tác, công tác lưu trữ và hủy bỏ tài liệu lưu trữ, tổ chức công tác lễ tân và đón tiếp khách; trên cơ sở đó hình thành cho người học kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ hành chính văn phòng phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp du lịch, dịch vụ, đồng thời rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm, chủ động, trung thực và khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong môi trường hành chính văn phòng.

(28) Luật Du lịch

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Học phần Luật Du lịch trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, pháp luật du lịch và các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh du lịch. Thông qua 15 giờ lý thuyết và 30 giờ thực hành, sinh viên được rèn luyện kỹ năng tra cứu văn bản quy phạm pháp luật, phân tích tình huống pháp lý, vận dụng pháp luật trong hoạt động kinh doanh du lịch và soạn thảo các hợp đồng du lịch cơ bản. Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn hoạt động du lịch, đồng thời hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch.

(29) Giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học những tri thức cơ bản về giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du du lịch: Khái niệm giao tiếp du lịch, phân loại giao tiếp trong du lịch, một số mô hình tâm lý giao tiếp trong du lịch, các cơ chế tâm lý phổ biến trong giao tiếp du lịch và kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh du lịch. Qua đó giúp người học phân tích được khái niệm, vài trò, đặc điểm của giao tiếp trong hoạt động du lịch, liệt kê được các hình thức giao tiếp, nhận diện các mô hình giao tiếp cơ bản, lắng nghe chủ động để nắm bắt nhu cầu và diễn biến tâm lý của du khách, trình bày sản phẩm du lịch, dịch vụ một cách hấp dẫn, sử dụng hiệu quả các công cụ phi ngôn ngữ

trong kinh doanh du lịch, và xây dựng và rèn luyện kỹ năng ứng sử thông qua các tình huống giả định, góp phần đáp ứng PLO7 của chương trình đào tạo.

(30) Kinh tế du lịch

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học đại cương

Học phần Kinh tế du lịch cung cấp cho người học nền tảng kiến thức cơ bản và hệ thống về bản chất, lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của ngành du lịch trong bối cảnh kinh tế thị trường. Nội dung học phần bao gồm các khái niệm cốt lõi về du lịch, khách du lịch và sản phẩm du lịch; nhu cầu du lịch, phân loại loại hình và các lĩnh vực kinh doanh du lịch; các điều kiện và nhân tố tác động đến sự phát triển du lịch, đặc biệt là tính thời vụ; lao động và cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch; chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh tế du lịch; hệ thống tổ chức và quản lý ngành du lịch từ cấp quốc tế đến Việt Nam. Thông qua học phần, người học từng bước hình thành năng lực phân tích thị trường du lịch, đánh giá chất lượng và hiệu quả kinh doanh, vận dụng kiến thức kinh tế du lịch vào thực tiễn điều hành dịch vụ du lịch và lữ hành, đồng thời phát triển ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong phát triển du lịch bền vững của địa phương và đất nước.

(31) Văn hóa du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm văn hóa du lịch, du lịch văn hoá, văn hoá trong kinh doanh du lịch, văn hoá quản lý; Văn hoá vật thể, phi vật thể trong phát triển du lịch. Văn hóa kinh doanh trong du lịch, văn hoá quản lý trong du lịch, bảo vệ văn hoá trong phát triển du lịch.

(32) Marketing du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Marketing Du lịch trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng về marketing trong lĩnh vực du lịch, bao gồm: tổng quan về marketing và marketing du lịch, thị trường du lịch, quan hệ cung - cầu; môi trường marketing và quy trình xây dựng kế hoạch marketing của doanh nghiệp du lịch; phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm du lịch; xây dựng chiến lược marketing bao gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến hỗn hợp phù hợp với đặc thù ngành du lịch và dịch vụ lữ hành. Thông qua học phần, người học không chỉ nắm vững lý thuyết mà còn rèn luyện năng

lực phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng và triển khai chiến lược marketing thực tiễn cho doanh nghiệp du lịch, đồng thời phát triển tư duy sáng tạo, khả năng khai thác cơ hội thị trường và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh du lịch và lữ hành.

(33) Địa lý du lịch thế giới

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Địa lý du lịch thế giới cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm địa lý, tài nguyên du lịch, sự phân bố không gian du lịch và các xu hướng phát triển của thị trường du lịch toàn cầu. Nội dung học phần tập trung vào việc nghiên cứu các khu vực, châu lục trên thế giới; phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội, các trung tâm du lịch lớn, tuyến du lịch quốc tế và đặc điểm sản phẩm du lịch tiêu biểu của từng khu vực như châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ và châu Đại Dương. Thông qua các hoạt động thực hành thiết kế chương trình du lịch, phân tích thị trường, xử lý tình huống nghề nghiệp và xây dựng sản phẩm du lịch quốc tế, người học hình thành và phát triển năng lực khai thác thông tin địa lý, đánh giá điểm đến, thiết kế và tổ chức chương trình du lịch, thích ứng với môi trường kinh doanh du lịch quốc tế, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO2 của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

(34) Địa lí du lịch Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Địa lý du lịch Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận của địa lý du lịch, các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch và đặc điểm phân bố tài nguyên du lịch. Nội dung học phần tập trung vào việc phân tích tiềm năng, thực trạng phát triển du lịch Việt Nam và đặc điểm của các vùng du lịch trên phạm vi cả nước, bao gồm tài nguyên du lịch, sản phẩm du lịch đặc trưng, các điểm, tuyến du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực nhận diện, đánh giá tài nguyên, phân tích không gian du lịch, vận dụng kiến thức địa lý để xây dựng sản phẩm, tuyến điểm và tổ chức hoạt động kinh doanh du lịch, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO2 của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

(35) Quan hệ công chúng

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quan hệ công chúng cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động quan hệ công chúng trong tổ chức và doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa - du lịch. Nội dung học phần tập trung vào các vấn đề nền tảng của quan hệ công chúng như khái niệm, lịch sử phát triển, quy trình thực hiện, các phương tiện truyền thông, quản trị khủng hoảng và quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng điển hình. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực giao tiếp, xây dựng kế hoạch truyền thông, xử lý tình huống và phát triển mối quan hệ nghề nghiệp, góp phần đáp ứng PLO5 của chương trình đào tạo.

(36) Văn hóa ẩm thực

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản, đặc trưng về văn hoá ẩm thực, văn hoá ẩm thực của Việt Nam, thế giới và xu hướng phát triển của văn hoá ẩm thực; Nghệ thuật trình bày món ăn và hoạt động ẩm thực phục vụ cho du lịch trong giai đoạn hiện nay; đồng thời tổ chức hoạt động thực hành nhằm giúp người học có kỹ năng xây dựng chương trình du lịch gắn với kinh doanh ẩm thực, khách sạn góp phần đáp ứng yêu cầu PLO4 của chương trình đào tạo.

(37) Xây dựng sản phẩm du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Xây dựng sản phẩm du lịch trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sản phẩm du lịch, vai trò, đặc điểm, các yếu tố cấu thành, chu kỳ sống và quy trình xây dựng sản phẩm du lịch. Nội dung học phần bao gồm: những vấn đề chung về sản phẩm du lịch; phân loại sản phẩm du lịch; kinh nghiệm trong nước, quốc tế về xây dựng sản phẩm du lịch; các nguyên tắc, yêu cầu và bước xây dựng sản phẩm du lịch. Sau khi học xong, sinh viên có kỹ năng phân tích tài nguyên, nhận diện nhu cầu thị trường, đề xuất ý tưởng, thiết kế và đánh giá sản phẩm du lịch, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO4 của chương trình đào tạo.

(38) Du lịch bền vững

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Du lịch bền vững trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phát triển bền vững, phát triển du lịch bền vững, mối quan hệ giữa du lịch với kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Nội dung học phần bao gồm: cơ sở lý luận về du lịch bền

vững; các chỉ số đánh giá điểm đến như Doxey Irridex, sức chứa du lịch, tiếp thị xanh, độ hấp dẫn điểm du lịch; vai trò của các bên liên quan và lập kế hoạch phát triển du lịch bền vững. Sau khi học xong, sinh viên có kỹ năng phân tích, đánh giá, đề xuất giải pháp phát triển du lịch bền vững, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO8 của chương trình đào tạo.

(39) Nhiếp ảnh

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Nhiếp ảnh cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về lịch sử nhiếp ảnh, thiết bị chụp ảnh, kỹ thuật sử dụng máy ảnh, nguyên lý ánh sáng, bố cục và phương pháp sáng tạo tác phẩm ảnh. Nội dung học phần tập trung vào kỹ thuật chụp các thể loại ảnh như phong cảnh, chân dung, ảnh sinh hoạt đời thường; phân tích, đánh giá tác phẩm ảnh; đồng thời thực hành xử lý, kết nối và quản lý hình ảnh bằng các phần mềm chỉnh sửa và công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI). Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực sáng tạo, khai thác hình ảnh phục vụ hoạt động truyền thông, quảng bá điểm đến, xây dựng sản phẩm du lịch và tổ chức các hoạt động văn hóa - du lịch, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

(40) Thanh nhạc thực hành

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Thanh nhạc thực hành cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc, phương pháp sử dụng giọng hát, kiểm soát hơi thở, phát âm và biểu diễn ca khúc. Nội dung học phần tập trung vào việc rèn luyện khả năng sử dụng giọng hát thông qua các bài tập luyện thanh, kỹ thuật lấy hơi, hát cộng minh, chuyển giọng, xử lý ngôn ngữ ca hát tiếng Việt, đồng thời phát triển kỹ năng biểu diễn thông qua tư thế, ngôn ngữ cơ thể, biểu cảm gương mặt và xây dựng phong cách trình diễn. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực sử dụng giọng hát đúng kỹ thuật, thể hiện tác phẩm âm nhạc có tính nghệ thuật, tự tin trong trình diễn và vận dụng kỹ năng thanh nhạc trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến văn hóa, nghệ thuật, giáo dục và tổ chức các chương trình biểu diễn, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

(41) Thanh toán quốc tế trong du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Thanh toán quốc tế trong du lịch trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thị trường hối đoái và tỷ giá hối đoái trong bối cảnh hội nhập quốc tế; các điều kiện tài chính và tiền tệ trong hợp đồng du lịch quốc tế; các phương thức thanh toán quốc tế phổ biến và cách vận dụng trong kinh doanh du lịch; cùng các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng trong lĩnh vực du lịch. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực phân tích tỷ giá hối đoái, xử lý các tình huống thanh toán thực tế trong kinh doanh du lịch quốc tế, soạn thảo và diễn giải các điều kiện tài chính - tiền tệ trong hợp đồng du lịch quốc tế, từ đó góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO6 của chương trình đào tạo ngành Du lịch.

(42) Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiếng Anh trong lĩnh vực du lịch và lữ hành, bao gồm các khái niệm nền tảng về du lịch, các loại hình kinh doanh du lịch, vai trò của công ty lữ hành và sự thay đổi trong nhu cầu du lịch qua các thời kỳ, đáp ứng yêu cầu học tập và công việc trong tương lai. Đồng thời, học phần góp phần hình thành thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, khả năng tự chủ và vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch, góp phần đáp ứng PLO6 của chương trình đào tạo.

(43) Quản trị cơ sở lưu trú du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản trị cơ sở lưu trú du lịch như khách sạn, resort, nhà nghỉ, homestay và các loại hình lưu trú khác. Nội dung học phần bao gồm tổ chức bộ máy quản lý, quản trị các bộ phận nghiệp vụ, nhân lực, chất lượng dịch vụ, marketing, tài chính và xử lý tình huống trong hoạt động kinh doanh lưu trú. Học phần kết hợp giữa lý thuyết với bài tập thực hành và khảo sát thực tế, góp phần hình thành kỹ năng nghề nghiệp và năng lực quản lý trong lĩnh vực du lịch.

(44) Tổ chức sự kiện

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tổ chức sự kiện cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nguyên lý, quy trình và phương pháp tổ chức các loại hình sự kiện trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ và hoạt động đối ngoại. Nội dung học phần tập trung vào các vấn

đề về khái niệm, đặc điểm, quy trình tổ chức sự kiện; công tác chuẩn bị, xây dựng ban tổ chức, lập kế hoạch, xây dựng kịch bản, tổ chức lễ tân - đối ngoại, điều hành các chương trình hội nghị, hội thảo, hội thi, tiệc chiêu đãi và thực hành triển khai một sự kiện cụ thể. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực lập kế hoạch, tổ chức, điều phối và đánh giá hoạt động sự kiện; vận dụng kỹ năng giao tiếp, lễ tân, làm việc nhóm và xử lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

(45) Nghiệp vụ lữ hành

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động lữ hành, kinh doanh lữ hành, doanh nghiệp lữ hành, sản phẩm lữ hành, chức năng, vai trò của doanh nghiệp lữ hành; các quy định pháp lý trong việc thành lập doanh nghiệp lữ hành tại Việt Nam; các căn cứ và nguyên tắc tổ chức, đưa doanh nghiệp vào hoạt động; quy trình nghiệp vụ trong việc xây dựng chương trình du lịch, tổ chức định giá và thực hiện các chương trình du lịch; các nghiệp vụ thiết lập quan hệ và hợp tác trong kinh doanh lữ hành; các nguyên lý và cách thức tổ chức các hoạt động marketing, phát triển thị trường khách và hệ thống kênh phân phối của doanh nghiệp lữ hành.

(46) Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ lữ hành

Học phần bao gồm những kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch; những phong cách và đức tính, phẩm chất và năng lực của hướng dẫn viên; phân tích, đánh giá được những yếu tố khách quan cơ bản có tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch; các yêu cầu về xây dựng chương trình tham quan du lịch; chuẩn bị và thiết kế được bài thuyết minh về các điểm du lịch; tổ chức được hoạt động hướng dẫn du lịch và thành thạo các phương pháp hướng dẫn tham quan; xử lí được các tình huống phát sinh trong hoạt động hướng dẫn du lịch; nhận biết được vai trò của hướng dẫn viên du lịch, các vấn đề về du lịch bền vững và giao tiếp đa văn hóa.

(47) Quản lý điểm đến du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản lí điểm đến trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về điểm đến du lịch, các yếu tố cấu thành điểm đến, công cụ nghiên cứu và phân tích điểm đến, chiến lược phát triển, định vị thương hiệu, tiếp thị, đổi mới trải nghiệm và phát triển du

lịch bền vững. Nội dung học phần bao gồm: tổng quan về quản lý điểm đến; công cụ phân tích điểm đến; chiến lược phát triển; xây dựng thương hiệu và tiếp thị; đổi mới trải nghiệm; thực hành du lịch bền vững tại điểm đến. Sau khi học xong, sinh viên có kỹ năng phân tích, đánh giá, đề xuất giải pháp quản lý và phát triển điểm đến, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO3 của chương trình đào tạo.

(48) Điểm tuyến du lịch Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Địa lý du lịch Việt Nam

Học phần Điểm tuyến du lịch Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống tài nguyên du lịch, các điểm du lịch, tuyến du lịch và vùng du lịch Việt Nam; đặc điểm tự nhiên, lịch sử, văn hóa, kinh tế - xã hội gắn với khai thác và phát triển du lịch. Học phần giúp người học vận dụng kiến thức để khảo sát, phân tích, đánh giá giá trị tài nguyên, điểm đến và tuyến du lịch; xây dựng chương trình du lịch, tổ chức hoạt động học tập thực tế và viết báo cáo học tập thực tế. Thông qua hoạt động thực tế tại các điểm, tuyến du lịch, người học hình thành kỹ năng quan sát, thu thập và xử lý thông tin, làm việc nhóm, giao tiếp nghề nghiệp và ý thức bảo tồn, phát huy giá trị tài nguyên du lịch, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch.

(49) Quản trị kinh doanh lữ hành

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản trị kinh doanh lữ hành cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về lịch sử hình thành, xu hướng phát triển, vai trò, hệ thống sản phẩm và thị trường khách của kinh doanh lữ hành trên thế giới và ở Việt Nam; cơ cấu tổ chức, quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp lữ hành và mối quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành với các nhà cung cấp dịch vụ du lịch. Trên nền tảng đó, học phần rèn luyện cho người học kỹ năng xây dựng chương trình du lịch trọn gói, xác định giá thành, giá bán, tổ chức xúc tiến hỗn hợp, bán và thực hiện chương trình du lịch, quản lý chất lượng sản phẩm và đánh giá hiệu quả kinh doanh chương trình du lịch theo hệ thống chỉ tiêu cụ thể. Người học đồng thời được rèn luyện năng lực phân tích môi trường, xây dựng chiến lược, chính sách kinh doanh phù hợp cho doanh nghiệp lữ hành và nhận diện xu hướng, giải pháp phát triển kinh doanh lữ hành ở Việt Nam, qua đó hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp đối với sự phát triển du lịch của địa phương, đất nước.

(50) Du lịch sinh thái

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Du lịch sinh thái cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, đặc điểm, nguyên tắc và xu hướng phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nội dung học phần tập trung vào tiềm năng, tài nguyên du lịch sinh thái; các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái; quy hoạch, thiết kế, quản lý và khai thác các sản phẩm du lịch sinh thái tại Việt Nam, đặc biệt tại khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu vực nông nghiệp và cộng đồng địa phương. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực đánh giá tài nguyên, xây dựng sản phẩm, tổ chức và quản lý hoạt động du lịch sinh thái theo hướng bền vững, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

(51) Du lịch văn hóa

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Du lịch sinh thái cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc và quá trình hình thành, phát triển của du lịch sinh thái trên thế giới và Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào tài nguyên du lịch sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, các tiêu chí đánh giá, quy hoạch, thiết kế, quản lý và phát triển các loại hình du lịch sinh thái gắn với bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn, vườn quốc gia, nông nghiệp và cộng đồng địa phương. Học phần cũng đề cập đến mối quan hệ giữa du lịch sinh thái với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực đánh giá tài nguyên, xây dựng sản phẩm, tổ chức và quản lý hoạt động du lịch sinh thái, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

(52) Du lịch cộng đồng

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Du lịch cộng đồng cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phát triển và quản lý du lịch cộng đồng. Nội dung học phần tập trung vào các vấn đề như: tổng quan về du lịch cộng đồng; lợi ích, thách thức và thực tiễn phát triển; các yếu tố tác động đến sự tham gia của cộng đồng; xây dựng, quản lý hoạt động du lịch cộng đồng; phát triển du lịch cộng đồng bền vững và định hướng phát triển trong tương lai. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực phân tích, vận dụng và tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng gắn với khai thác tài nguyên du lịch, bảo tồn giá trị văn hóa địa phương và phát triển du lịch bền vững, góp phần đáp ứng

chuẩn đầu ra PLO8 của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

(53) Tài nguyên du lịch Tây Bắc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tài nguyên du lịch Tây Bắc cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, phân loại và giá trị của tài nguyên du lịch; đồng thời giới thiệu những đặc điểm nổi bật về tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn của vùng Tây Bắc Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ, các dạng tài nguyên tự nhiên, văn hóa tộc người, lễ hội, di tích lịch sử, ẩm thực và tiềm năng phát triển du lịch của khu vực Tây Bắc. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực nhận diện, đánh giá, khai thác và đề xuất giải pháp bảo tồn tài nguyên du lịch theo hướng bền vững; vận dụng kiến thức vào xây dựng sản phẩm, chương trình và tổ chức hoạt động du lịch gắn với đặc điểm địa phương, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

(54) Văn hóa và kiến trúc

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về văn hóa và kiến trúc: khái niệm, mối quan hệ giữa văn hóa và kiến trúc, các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa và kiến trúc; đặc điểm văn hóa với kiến trúc thế giới và kiến trúc Việt Nam. Giúp người học có kĩ năng tìm hiểu các phong cách kiến trúc, so sánh được sự khác biệt của các nền văn hóa với kiến trúc; biết vận dụng cơ sở lí luận của khoa học vào quá trình kế thừa và phát huy cá giá trị văn hóa truyền thống trong kiến trúc; có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa và kiến trúc.

(55) Quản trị Du lịch MICE

Học phần Quản trị Du lịch MICE trang bị cho người học hệ thống kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực tiễn về loại hình du lịch kết hợp hội họp (Meeting), khen thưởng (Incentives), hội nghị (Convention) và triển lãm (Exhibitions). Nội dung học phần tập trung vào quy trình lập kế hoạch chiến lược, thiết kế trải nghiệm, vận hành và quản trị chất lượng dịch vụ cho các sự kiện quy mô lớn, người học sẽ được tiếp cận các công cụ phân tích thị trường, kỹ năng đàm phán, marketing và thúc đẩy sự hợp tác giữa các bên liên quan như nhà hàng, khách sạn và đơn vị vận chuyển. Bên cạnh đó,

học phần còn định hướng tư duy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ hiện đại và thực hành phát triển bền vững nhằm giảm thiểu tác động môi trường, qua đó, sinh viên có đủ năng lực định vị thương hiệu, nâng cao tính cạnh tranh cho các điểm đến MICE, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường du lịch cao cấp toàn cầu.

(56) Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng - Khách sạn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng - khách sạn cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiệp vụ về tổ chức, vận hành và phục vụ trong các bộ phận chức năng của khách sạn và nhà hàng theo tiêu chuẩn nghề nghiệp hiện hành. Nội dung học phần tập trung vào cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận lễ tân, buồng, bàn, quầy bar và bếp; quy trình phục vụ khách; kỹ thuật thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn; tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm; kỹ năng giao tiếp, phối hợp và xử lý tình huống trong quá trình phục vụ. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực thực hiện các nghiệp vụ phục vụ nhà hàng - khách sạn theo đúng quy trình và tiêu chuẩn chất lượng; vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống nghề nghiệp; phát triển tác phong phục vụ chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp với khách hàng, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

(57) Quản trị nguồn nhân lực khách sạn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản trị nguồn nhân lực khách sạn cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và khách sạn. Nội dung học phần tập trung vào các vấn đề trọng tâm như: tổng quan nguồn nhân lực ngành khách sạn; phân tích công việc và tuyển dụng; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; đánh giá hiệu quả công việc và xây dựng chế độ đãi ngộ; quản lý quan hệ lao động; vai trò của nguồn nhân lực trong hoạch định chiến lược và thay đổi tổ chức. Thông qua học phần, người học phát triển năng lực vận dụng thành thạo các nguyên tắc và phương pháp quản trị nguồn nhân lực để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và khách sạn, góp phần đạt chuẩn đầu ra PLO 3 của chương trình đào tạo.

(58) Thực tập 1 (Thực tập tổng hợp)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Thực tập 1 tạo điều kiện cho người học vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn đã được trang bị trong chương trình đào tạo vào môi trường nghề nghiệp thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh du lịch và dịch vụ. Nội dung học phần tập trung vào khảo sát cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quy trình hoạt động của đơn vị thực tập; tìm hiểu và tham gia thực hành các nghiệp vụ trong lĩnh vực lữ hành như xây dựng chương trình du lịch, điều hành tour, hướng dẫn, marketing, chăm sóc khách hàng và quản trị hoạt động kinh doanh. Thông qua học phần, người học phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thích ứng với môi trường làm việc; đồng thời hình thành ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm nghề nghiệp, khả năng đánh giá và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

(59) Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp)

Điều kiện tiên quyết: thực tập 1

Học phần Thực tập 2 giúp người học vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động kinh doanh du lịch tại các doanh nghiệp, tổ chức lữ hành và cơ sở dịch vụ du lịch. Nội dung học phần tập trung vào khảo sát cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động, công tác quản lý của đơn vị thực tập; thực hành các nghiệp vụ chuyên sâu về xây dựng chương trình du lịch, tổ chức và điều hành tour, hướng dẫn du lịch, xúc tiến du lịch, bán chương trình, quản trị kinh doanh lữ hành và phối hợp với các đối tác cung ứng dịch vụ. Thông qua quá trình thực tập và xây dựng báo cáo chuyên môn, người học phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ nghề nghiệp, kỹ năng tổ chức, điều hành, giao tiếp, quản lý và đánh giá hoạt động kinh doanh lữ hành; đồng thời hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm và khả năng đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

(60) Quy hoạch du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quy hoạch du lịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, nguyên tắc, phương pháp và quy trình lập quy hoạch phát triển du lịch gắn với điều kiện tài nguyên, kinh tế - xã hội và môi trường. Nội dung học phần tập trung vào nghiên cứu tiềm năng, đánh giá tài nguyên du lịch, phân tích thực trạng kinh doanh du lịch, dự báo nhu cầu phát triển, xây dựng định hướng chiến lược, tổ chức thực hiện và đánh giá tác động của các dự án quy hoạch du lịch; đồng thời tìm hiểu quy hoạch phát triển du lịch tại các khu vực biển, miền núi, nông thôn và ven đô. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực điều tra, phân tích, đánh giá nguồn lực du lịch, xây dựng phương án và dự án quy hoạch điểm đến theo hướng bền vững; vận dụng công cụ, phương pháp quy hoạch để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý và phát triển du lịch, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

(61) Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về lý luận, công cụ và quy trình quản trị chiến lược trong các tổ chức kinh doanh du lịch. Nội dung học phần tập trung vào phân tích môi trường kinh doanh, đánh giá năng lực cạnh tranh, xây dựng và lựa chọn chiến lược, tổ chức thực thi, kiểm soát chiến lược; đồng thời vận dụng các công cụ quản trị hiện đại như phân tích SWOT, ma trận IFE, EFE, QSPM và Thẻ điểm cân bằng trong hoạch định và quản trị hoạt động du lịch. Thông qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực tư duy chiến lược, phân tích và giải quyết vấn đề quản trị, xây dựng phương án phát triển tổ chức du lịch, đánh giá hiệu quả hoạt động và thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh. Học phần góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra về năng lực quản lý, hoạch định chính sách và điều hành tổ chức du lịch trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

(62) Khóa luận Tốt nghiệp

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Khóa luận tốt nghiệp tạo điều kiện cho người học vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng nghiên cứu và kiến thức chuyên ngành để thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học độc lập dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nội dung học phần tập trung vào lựa chọn và xây dựng đề tài nghiên cứu; lập đề cương; tổng quan tài liệu;

thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu; vận dụng cơ sở lý luận và thực tiễn để đánh giá vấn đề nghiên cứu, đề xuất giải pháp phù hợp trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ. Thông qua quá trình thực hiện và bảo vệ khóa luận, người học phát triển năng lực nghiên cứu, tư duy phản biện, phân tích và giải quyết vấn đề, khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn để tạo lập các sản phẩm nghiên cứu có giá trị khoa học và thực tiễn; đồng thời hình thành tính tự chủ, trách nhiệm, ý thức liêm chính học thuật và năng lực học tập suốt đời, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành năm 2026 của Trường Đại học Tân Trào được đối sánh về cấu trúc và nội dung đào tạo với CTĐT của Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn; Trường Đại học Văn hóa Hà Nội làm cơ sở rà soát, cải tiến và phát triển CTĐT.

Nội dung	ĐH Tân Trào - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	ĐHKHXH&NV - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	ĐH Văn hóa Hà Nội
Tên chương trình	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành giáo dục
Loại hình đào tạo	Chính quy	Chính quy	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	4 năm
Tổng số tín chỉ	**130**	**126**	**125**
Giáo dục đại cương/học vấn chung	33	21	39
Cơ sở ngành/khối ngành	21	21	20
Kiến thức ngành/chuyên ngành	62	73	56
Thực tập/thực hành nghề nghiệp	8	6	4
Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế	6	5	6

Bảng đối sánh cho thấy CTĐT ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành năm 2026 của Trường Đại học Tân Trào và các CTĐT được lựa chọn đối sánh có những điểm tương đồng về thời gian đào tạo, cấu trúc kiến thức và định hướng phát triển

năng lực nghề nghiệp cho người học. Đồng thời, giữa các chương trình có sự khác biệt về tổng khối lượng tín chỉ, tỷ trọng các khối kiến thức và mức độ chú trọng đến thực hành, thực tập nghề nghiệp, phản ánh định hướng đào tạo và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực du lịch của từng cơ sở giáo dục đại học.

- *Về điểm tương đồng:*

Cả ba chương trình đều được tổ chức theo hình thức đào tạo chính quy, với thời gian đào tạo 4 năm, tạo điều kiện để người học được trang bị kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành nghề nghiệp trong quá trình học tập. Các chương trình đều được thiết kế theo hướng kết hợp giữa giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành/chuyên ngành và thực tập, thực hành nghề nghiệp. Cấu trúc này phù hợp với đặc thù của ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, trong đó năng lực nghề nghiệp cần được hình thành trên cơ sở kết hợp giữa kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành và trải nghiệm thực tế.

Bên cạnh đó, các chương trình đều hướng đến việc hình thành năng lực chuyên môn trong lĩnh vực du lịch và lữ hành. Đây là cơ sở để Trường Đại học Tân Trào tiếp tục rà soát mức độ phù hợp giữa chuẩn đầu ra, nội dung học phần, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá năng lực sinh viên.

- *Về điểm khác biệt:*

CTĐT của Trường Đại học Tân Trào có 130 tín chỉ, cao hơn CTĐT của Trường ĐH KHXH&NV với 126 tín chỉ và Trường ĐH Văn hóa với 125 tín chỉ. Chênh lệch về tổng khối lượng tín chỉ cho thấy các cơ sở đào tạo có cách thức phân bổ thời lượng học tập khác nhau, phù hợp với mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra, tính hợp lý của nội dung chương trình, khả năng tích hợp kiến thức và hiệu quả tổ chức đào tạo. về cơ cấu các khối kiến thức.

Cơ cấu các khối kiến thức trong CTĐT ở các cơ sở giáo dục đại học được đối sánh cũng có sự khác nhau. CTĐT Trường Đại học Tân Trào bố trí 33 tín chỉ giáo dục đại cương, 21 tín chỉ cơ sở ngành, 62 tín chỉ kiến thức ngành/chuyên ngành, 8 tín chỉ thực tập/thực hành nghề nghiệp và 6 tín chỉ khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế. Trong khi đó, CTĐT của Trường ĐH KHXH&NV phân bổ 21 tín chỉ giáo dục đại cương, 21 tín chỉ cơ sở ngành, 73 tín chỉ kiến thức ngành/chuyên ngành, 6 tín chỉ thực tập/thực hành nghề nghiệp và 5 tín chỉ khóa luận. CTĐT của Trường ĐH Văn hóa có 39 tín chỉ giáo dục đại cương, 20 tín chỉ cơ sở ngành, 56 tín chỉ kiến thức

ngành/chuyên ngành, 4 tín chỉ thực tập/thực hành nghề nghiệp và 6 tín chỉ khóa luận. Trường Đại học Tân Trào dành tỷ trọng tương đối lớn cho khối kiến thức ngành/chuyên ngành, đồng thời bố trí 8 tín chỉ cho thực tập/thực hành nghề nghiệp. Đây là cơ sở để nhà trường tiếp tục đánh giá mức độ phù hợp giữa nội dung chuyên môn và yêu cầu thực hành nghề nghiệp của sinh viên.

Điểm nổi bật của CTĐT Trường Đại học Tân Trào là bố trí 8 tín chỉ thực tập/thực hành nghề nghiệp và 6 tín chỉ khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế. So với hai chương trình đối sánh, khối lượng thực tập/thực hành nghề nghiệp của trường Đại học Tân Trào cao hơn CTĐT của Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn và Trường ĐH Văn hóa Hà Nội. Đây cũng là một trong những xu hướng đào tạo của Trường Đại học tân Trào trong những năm gần đây, phát triển các hoạt động thực hành, thực tập tại doanh nghiệp lữ hành và các tổ chức quản lý du lịch, tăng cường sự gắn kết giữa đào tạo lý thuyết và thực tiễn nghề nghiệp, qua đó nâng cao tính phù hợp, hiệu quả và khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động du lịch.

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành đã được xây dựng/điều chỉnh, kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tân Trào. Được phê duyệt và ban hành vào tháng 9/2026 theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tân Trào.